

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP SINH HỌC 11 HỌC KỲ II

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>Chương II. CẢM ỨNG</p> <p>B. CẢM ỨNG Ở ĐỘNG VẬT</p>	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm cảm ứng ở động vật. - Phân biệt cảm ứng với phản xạ. - Phân biệt được cảm ứng ở động vật với cảm ứng ở thực vật. - Nêu được cơ sở thần kinh của phản xạ.* - Phân biệt được cảm ứng ở các nhóm động vật có mức độ phát triển tổ chức thần kinh khác nhau (động vật chưa có hệ thần kinh, động vật có hệ thần kinh dạng lưới, động vật có hệ thần kinh dạng chuỗi hạch và động vật có hệ thần kinh dạng ống). - Nêu được chức năng của hệ thần kinh.* - Phân biệt chức năng của hệ thần kinh vận động với hệ thần kinh sinh dưỡng.* - Phân biệt chức năng của phân hệ thần kinh giao cảm với phân hệ thần kinh đối giao cảm.* - Phân biệt khái niệm hưng phấn với hưng tính.* - Phân biệt được khái niệm điện thế nghỉ với điện thế hoạt động. - Trình bày được cơ chế hình thành điện thế nghỉ khác với cơ chế hình thành điện thế hoạt động*. - Mô tả được sự lan truyền xung thần kinh trên sợi thần kinh có bao miêlin và không có bao miêlin. - Phân biệt được sự dẫn truyền xung trên sợi trục và trong một cung phản xạ. - Nêu được khái niệm xináp, vẽ được cấu tạo của xináp hoá học điển hình. - Trình bày được cơ chế truyền tin qua xináp và một số đặc tính của xináp. - Trình bày được khái niệm mã thông tin thần kinh. - Định nghĩa tập tính. Nêu ý nghĩa của tập tính ở động vật. - Phân biệt được tập tính bẩm sinh với tập tính học được. - Phân tích được cơ sở thần kinh của tập tính.* - Nêu được khái niệm kích thích dấu hiệu.* - Phân biệt được các hình thức học tập chính ở động vật và lợi ích của chúng trong đời sống động vật.* - Trình bày các dạng tập tính phổ biến ở động vật (tập tính kiếm ăn, tập tính bảo vệ lãnh thổ, tập tính sinh sản, tập tính di cư, tập tính xã hội) . - Trình bày được một số tập tính ở người, ứng dụng của tập tính vào thực tiễn đời sống. <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích cung phản xạ tủy. - Thí nghiệm được về điện sinh học. - Biết bố trí thí nghiệm để quan sát các tập tính ở động vật. 	
<p>CHƯƠNG III. SINH</p>	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về sinh trưởng, phát triển. - Phân biệt được sinh trưởng và phát triển ở thực vật - Mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển * 	

<p>TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN</p> <p>A. SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN ở THỰC VẬT</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Sinh trưởng tốt dẫn đến phát triển tốt + Sinh trưởng kém dẫn đến phát triển kém + Sinh trưởng lùn át phát triển + Sinh trưởng chậm, phát triển nhanh <p>- Trình bày được quá trình sinh trưởng:</p> <p style="padding-left: 20px;">Sinh trưởng sơ cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khái niệm về sinh trưởng sơ cấp + Sinh trưởng sơ cấp ở cây một lá mầm + Sinh trưởng sơ cấp ở cây hai lá mầm <p style="padding-left: 20px;">Sinh trưởng thứ cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khái niệm về sinh trưởng thứ cấp + Sinh trưởng thứ cấp ở cây một lá mầm + Sinh trưởng thứ cấp ở cây hai lá mầm <p>- Phân biệt được sinh trưởng sơ cấp với sinh trưởng thứ cấp.</p> <p>- Trình bày được các nhân tố môi trường và quá trình sinh trưởng *</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ánh sáng + Nhiệt độ + Nước + Khí CO₂ và O₂ + Dinh dưỡng khoáng <p>- Nêu được các nhóm chất điều hoà sinh trưởng thực vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm auxin + Nhóm gibberelin + Nhóm xytokinin + Nhóm chất ức chế : Etilen và AAB <p>(Nội dung :- Nơi sinh tổng hợp các nhóm chất và hướng vận chuyển *</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện tự nhiên và nhân tạo của các nhóm * - Tác dụng sinh lí của mỗi nhóm - Một số ứng dụng thực tiễn). <p>- Trình bày được các chất điều hoà sinh trưởng thực vật (phytohormôn) là các chất hữu cơ trong cây có vai trò điều tiết các hoạt động sinh trưởng. Nêu được sự cân bằng giữa các phytohormôn.</p> <p>- Trình bày được các thuyết về quá trình ra hoa *</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự ra hoa đánh dấu một giai đoạn quan trọng của sự phát triển ở thực vật có hoa. + Thuyết phát triển theo giai đoạn + Thuyết hormone ra hoa và vai trò của florigen + Thuyết quang chu kỳ và vai trò của phytochrom <p>- Trình bày được quang chu kỳ là sự xen kẽ của (độ dài ngày và đêm) có tác động đến sự ra hoa, tạo củ, rụng lá và vận chuyển hợp chất quang hợp.</p> <p>- Trình bày được phytochrom là sắc tố enzim ở chồi mầm và chóp lá mầm có tác động đến sự ra hoa, tổng hợp sắc tố, enzim, vận động cảm ứng, đóng mở lỗ khí.</p> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm được thí nghiệm về tác dụng ra rễ bất định của auxin - Làm được thí nghiệm về kích thích sinh trưởng lùn của gibberelin. * 	
<p>B. SINH</p>	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được khái niệm sinh trưởng với phát triển. - Phân biệt sinh trưởng và phát triển ở động vật với sinh trưởng và phát 	

<p>TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT</p>	<p>triển ở thực vật.*</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được phát triển qua biến thái (biến thái hoàn toàn và không hoàn toàn) và phát triển không qua biến thái. - Trình bày được vai trò của hoocmôn đối với sinh trưởng và phát triển ở động vật có xương sống và không xương sống. - Nêu và giải thích được các nhân tố tác động lên sinh trưởng và phát triển ở động vật. - Phân tích được số biện pháp điều khiển sinh trưởng và phát triển ở động vật và người. - Giải thích được nguyên nhân gây ra một số bệnh do rối loạn điều hoà sinh trưởng và phát triển. <p>Kĩ năng: Quan sát sinh trưởng và phát triển của một số động vật.</p>	
<p>CHƯƠNG IV. SINH SẢN A. SINH SẢN Ở THỰC VẬT</p>	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về sinh sản <ul style="list-style-type: none"> + Khái niệm chung + Khái niệm về sinh sản vô tính + Khái niệm về sinh sản hữu tính - Trình bày được sinh sản vô tính và các hình thức sinh sản vô tính tự nhiên <ul style="list-style-type: none"> + Sinh sản bằng thân bò + Sinh sản bằng thân rễ + Sinh sản bằng thân hành + Sinh sản bằng thân củ và củ + Sinh sản bằng chồi rễ và chồi thân + Sinh sản bằng lá - Nêu được các hình thức sinh sản vô tính nhân tạo <ul style="list-style-type: none"> + Giâm + Chiết + Ghép + Nuôi cấy mô-tế bào - Trình bày được sinh sản hữu tính: <ul style="list-style-type: none"> Sinh sản ở rêu - Chu trình sinh sản * Sinh sản ở dương xỉ - Chu trình sinh sản Sinh sản ở thực vật hạt trần - Chu trình sinh sản * Sinh sản ở thực vật có hoa <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo hoa * - Sự thụ phấn - Sự thụ tinh - Sự hình thành quả và hạt * - Sự chín của quả và hạt * <p>Kĩ năng: Thực hành được một số phương pháp sinh sản vụ tính nhân tạo.</p>	
<p>B. SINH SẢN Ở ĐỘNG VẬT</p>	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm sinh sản vô tính. - Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. - Mô tả được qui trình nuôi cấy mô và nhân bản vô tính (nuôi mô sống, cấy mô tách rời vào cơ thể, nhân bản vô tính động vật). - Nêu được khái niệm và chiều hướng tiến hoá của sinh sản hữu tính. - Nêu được các giai đoạn của sinh sản hữu tính. 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các hình thức thụ tinh ngoài và thụ tinh trong, đẻ trứng và đẻ con. - Trình bày được quá trình sinh tinh và sinh trứng - Trình bày được cơ chế điều hoà sinh tinh và sinh trứng* - Nêu được ảnh hưởng của thần kinh và môi trường sống đến quá trình sinh tinh và sinh trứng.* - Trình bày được cơ chế thụ tinh.* - Nêu được các biện pháp điều khiển sinh sản ở động vật. - Giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp tăng sinh ở động vật*. - Phân tích được vai trò của thụ tinh nhân tạo. - Trình bày được cơ chế tác dụng của các biện pháp tránh thai. <p>Kĩ năng: Mô và quan sát hệ sinh dục đực và cái ở thú.</p>	
--	--	--

CÂU HỎI ÔN TẬP

Chương II. CẢM ỨNG _ B. CẢM ỨNG Ở ĐỘNG VẬT

Câu 273: Cảm ứng của động vật là:

- a/ Phản ứng lại các kích thích của một số tác nhân môi trường sống đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.
- b/ Phản ứng lại các kích thích của môi trường sống đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.
- c/ Phản ứng lại các kích thích định hướng của môi trường sống đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.
- d/ Phản ứng đối với kích thích vô hướng của môi trường sống đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.

Câu 274: Cung phản xạ diễn ra theo trật tự nào?

- a/ Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận phân tích và tổng hợp thông tin → Bộ phận phản hồi thông tin.
- b/ Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận thực hiện phản ứng → Bộ phận phân tích và tổng hợp thông tin → Bộ phận phản hồi thông tin.
- c/ Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận phân tích và tổng hợp thông tin → Bộ phận thực hiện phản ứng.
- d/ Bộ phận trả lời kích thích → Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận thực hiện phản ứng.

Câu 275: Hệ thần kinh của giun dẹp có:

- a/ Hạch đầu, hạch thân.
- b/ Hạch đầu, hạch bụng.
- c/ Hạch đầu, hạch ngực.
- d/ Hạch ngực, hạch bụng.

Câu 276: Ý nào không đúng đối với phản xạ?

- a/ Phản xạ chỉ có ở những sinh vật có hệ thần kinh.
- b/ Phản xạ được thực hiện nhờ cung phản xạ.
- c/ Phản xạ được coi là một dạng điển hình của cảm ứng.
- d/ Phản xạ là khái niệm rộng hơn cảm ứng.

Câu 277: Ý nào không đúng với cảm ứng của ruột khoang?

- a/ Cảm ứng ở toàn bộ cơ thể.
- b/ Toàn bộ cơ thể co lại khi bị kích thích.
- c/ Tiêu phí nhiều năng lượng.
- d/ Tiêu phí ít năng lượng.

Câu 278: Cung phản xạ diễn ra theo trật tự nào?

- a/ Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → Hệ thần kinh → Cơ, tuyến.
- b/ Hệ thần kinh → Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → Cơ, tuyến.
- c/ Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → Cơ, tuyến → Hệ thần kinh.
- d/ Cơ, tuyến → Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → Hệ thần kinh.

Câu 279: Phản xạ của động vật có hệ thần kinh lưới khi bị kích thích là:

- a/ Duỗi thẳng cơ thể .
- b/ Co toàn bộ cơ thể.
- c/ Di chuyển đi chỗ khác,
- d/ Co ở phần cơ thể bị kích thích.

Câu 280: Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch được tạo thành do:

- a/ Các tế bào thần kinh tập trung thành các hạch thần kinh và được nối với nhau tạo thành chuỗi hạch nằm dọc theo chiều dài cơ thể.
- b/ Các tế bào thần kinh tập trung thành các hạch thần kinh và được nối với nhau tạo thành chuỗi hạch nằm dọc theo lưng và bụng.
- c/ Các tế bào thần kinh tập trung thành các hạch thần kinh và được nối với nhau tạo thành chuỗi hạch nằm dọc theo lưng.
- d/ Các tế bào thần kinh tập trung thành các hạch thần kinh và được nối với nhau tạo thành chuỗi hạch được phân bố ở một số phần cơ thể.

Câu 281: Phản xạ ở động vật có hệ lưới thần kinh diễn ra theo trật tự nào?

- a/ Các tế bào cảm giác tiếp nhận kích thích → Chuỗi hạch phân tích và tổng hợp thông tin → Các cơ và nội quan thực hiện phản ứng.
- b/ Các giác quan tiếp nhận kích thích → Chuỗi hạch phân tích và tổng hợp thông tin → Các nội quan thực hiện phản ứng.
- c/ Các giác quan tiếp nhận kích thích → Chuỗi hạch phân tích và tổng hợp thông tin → Các tế bào mô bì, cơ.
- d/ Chuỗi hạch phân tích và tổng hợp thông tin → Các giác quan tiếp nhận kích thích → Các cơ và nội quan thực hiện phản ứng.

Câu 282: Ý nào không đúng với cảm ứng động vật đơn bào?

- a/ Co rút chất nguyên sinh.
- b/ Chuyển động cả cơ thể.
- c/ Tiêu tốn năng lượng.
- d/ Thông qua phản xạ.

Câu 283: Ý nào không đúng với đặc điểm của hệ thần kinh chuỗi hạch?

- a/ Số lượng tế bào thần kinh tăng so với thần kinh dạng lưới.
- b/ Khả năng phối hợp giữa các tế bào thần kinh tăng lên.
- c/ Phản ứng cục bộ, ít tiêu tốn năng lượng so với thần kinh dạng lưới.
- d/ Phản ứng toàn thân, tiêu tốn nhiều năng lượng so với thần kinh dạng lưới.

Câu 284: Phản xạ ở động vật có hệ thần kinh lưới diễn ra theo trật tự nào?

- a/ Tế bào cảm giác → Mạng lưới thần kinh → Tế bào mô bì cơ.
- b/ Tế bào cảm giác → Tế bào mô bì cơ → Mạng lưới thần kinh.
- c/ Mạng lưới thần kinh → Tế bào cảm giác → Tế bào mô bì cơ.
- d/ Tế bào mô bì cơ → Mạng lưới thần kinh → Tế bào cảm giác.

Câu 285: Thân mềm và chân khớp có hạch thần kinh phát triển là:

- a/ Hạch ngực.
- b/ Hạch não.
- c/ Hạch bụng.
- d/ Hạch lưng.

Câu 286: Hệ thần kinh của côn trùng có:

- a/ Hạch đầu, hạch ngực, hạch lưng.
- b/ Hạch đầu, hạch thân, hạch lưng.
- c/ Hạch đầu, hạch bụng, hạch lưng.
- d/ Hạch đầu, hạch ngực, hạch bụng.

Câu 287: Côn trùng có hệ thần kinh nào tiếp nhận kích thích từ các giác quan và điều khiển các hoạt động phức tạp của cơ thể?

- a/ Hạch não.
- b/ Hạch lưng.
- c/ Hạch bụng.
- d/ Hạch ngực.

Câu 288: Hệ thần kinh dạng lưới được tạo thành do:

- a/ Các tế bào thần kinh rải rác dọc theo khoang cơ thể và liên hệ với nhau qua sợi thần kinh tạo thành mạng lưới tế bào thần kinh.
- b/ Các tế bào thần kinh phân bố đều trong cơ thể và liên hệ với nhau qua sợi thần kinh tạo thành mạng lưới tế bào thần kinh.
- c/ Các tế bào thần kinh rải rác trong cơ thể và liên hệ với nhau qua sợi thần kinh tạo thành mạng lưới tế bào thần kinh.
- d/ Các tế bào thần kinh phân bố tập trung ở một số vùng trong cơ thể và liên hệ với nhau qua sợi thần kinh tạo thành mạng lưới tế bào thần kinh.

Câu 289: Tốc độ cảm ứng của động vật so với thực vật như thế nào?

- a/ Diễn ra ngang bằng.
- b/ Diễn ra chậm hơn một chút.

c/ Diễn ra chậm hơn nhiều.

d/ Diễn ra nhanh hơn.

Câu 290: Phản xạ phức tạp thường là:

a/ Phản xạ có điều kiện, trong đó có sự tham gia của một số ít tế bào thần kinh trong đó có các tế bào vỏ não.

b/ Phản xạ không điều kiện, có sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh trong đó có các tế bào vỏ não.

c/ Phản xạ có điều kiện, trong đó có sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh trong đó có các tế bào tuỷ sống.

d/ Phản xạ có điều kiện, trong đó có sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh trong đó có các tế bào vỏ não.

Câu 291: Bộ phận của não phát triển nhất là:

a/ Não trung gian.

b/ Bán cầu đại não.

c/ Tiểu não và hành não.

d/ Não giữa.

Câu 292: Hệ thần kinh ống gặp ở động vật nào?

a/ Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú.

b/ Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú, giun đốt.

c/ Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú, thân mềm.

d/ Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú, giun tròn.

Câu 293: Ý nào không đúng với đặc điểm của phản xạ co ngón tay?

a/ Là phản xạ có tính di truyền.

b/ Là phản xạ bẩm sinh.

c/ Là phản xạ không điều kiện.

d/ Là phản xạ có điều kiện.

Câu 294: Hệ thần kinh ống được tạo thành từ hai phần rõ rệt là:

a/ Não và thần kinh ngoại biên.

b/ Não và tuỷ sống.

c/ Thần kinh trung ương và thần kinh ngoại biên.

d/ Tuỷ sống và thần kinh ngoại biên.

Câu 295: Bộ phận đóng vai trò điều khiển các hoạt động của cơ thể là:

a/ Não giữa.

b/ Tiểu não và hành não.

c/ Bán cầu đại não.

d/ Não trung gian.

Câu 296: Não bộ trong hệ thần kinh ống có những phần nào?

a/ Bán cầu đại não, não trung gian, não giữa, tiểu não và trụ não.

b/ Bán cầu đại não, não trung gian, củ não sinh tư, tiểu não và hành não.

c/ Bán cầu đại não, não trung gian, não giữa, tiểu não và hành não.

d/ Bán cầu đại não, não trung gian, cuống não, tiểu não và hành não.

Câu 297: Phản xạ đơn giản thường là:

a/ Phản xạ không điều kiện, thực hiện trên cung phản xạ được tạo bởi một số lượng lớn tế bào thần kinh và thường do tuỷ sống điều khiển.

b/ Phản xạ không điều kiện, thực hiện trên cung phản xạ được tạo bởi một số ít tế bào thần kinh và thường do não bộ điều khiển.

c/ Phản xạ không điều kiện, thực hiện trên cung phản xạ được tạo bởi một số ít tế bào thần kinh và thường do tuỷ sống điều khiển.

d/ Phản xạ có điều kiện, thực hiện trên cung phản xạ được tạo bởi một số lượng lớn tế bào thần kinh và thường do tuỷ sống điều khiển.

Câu 298: Ý nào không đúng với phản xạ không điều kiện?

a/ Thường do tuỷ sống điều khiển.

b/ Di truyền được, đặc trưng cho loài.

c/ Có số lượng không hạn chế.

d/ Mang tính bẩm sinh và bền vững.

Câu 299: Ý nào không đúng với đặc điểm phản xạ có điều kiện?

a/ Được hình thành trong quá trình sống và không bền vững.

b/ Không di truyền được, mang tính cá thể.

c/ Có số lượng hạn chế.

d/ Thường do vỏ não điều khiển.

Câu 300: Căn cứ vào chức năng hệ thần kinh có thể phân thành:

a/ Hệ thần kinh vận điều khiển vận động hoạt động theo ý muốn và hệ thần kinh sinh dưỡng điều khiển các hoạt động của các cơ vận trong hệ vận động.

b/ Hệ thần kinh vận điều khiển những hoạt động của các nội quan và hệ thần kinh sinh dưỡng điều khiển những hoạt động không theo ý muốn.

c/ Hệ thần kinh vận động điều khiển những hoạt động không theo ý muốn và thần kinh sinh dưỡng điều khiển những hoạt động theo ý muốn.

d/ Hệ thần kinh vận động điều khiển những hoạt động theo ý muốn và hệ thần kinh sinh dưỡng điều khiển những hoạt động không theo ý muốn.

Câu 301: Cung phản xạ “co ngón tay của người” thực hiện theo trật tự nào?

a/ Thụ quan đau ở da → Sợi vận động của dây thần kinh tuỷ → Tuỷ sống → Sợi cảm giác của dây thần kinh tuỷ → Các cơ ngón tay.

b/ Thụ quan đau ở da → Sợi cảm giác của dây thần kinh tuỷ → Tuỷ sống → Các cơ ngón tay.

c/ Thụ quan đau ở da → Sợi cảm giác của dây thần kinh tuỷ → Tuỷ sống → Sợi vận động của dây thần kinh tuỷ → Các cơ ngón tay.

d/ Thu quan đầu ở da → Tuỷ sống → Sợi vận động của dây thần kinh tuỷ → Các cơ ngón tay.

Câu 302: Điện thế nghỉ được hình thành chủ yếu do các yếu tố nào?

- a/ Sự phân bố ion đồng đều, sự di chuyển của ion và tính thấm có chọn lọc của màng tế bào với ion.
- b/ Sự phân bố ion không đều, sự di chuyển của ion và tính thấm không chọn lọc của màng tế bào với ion.
- c/ Sự phân bố ion không đều, sự di chuyển của ion theo hướng đi ra và tính thấm có chọn lọc của màng tế bào với ion.
- d/ Sự phân bố ion không đều, sự di chuyển của ion sự di chuyển của ion theo hướng đi vào và tính thấm có chọn lọc của màng tế bào với ion.

Câu 303: Ý nào không đúng đối với sự tiến hoá của hệ thần kinh?

- a/ Tiến hoá theo hướng dạng lưới → Chuỗi hạch → Dạng ống.
- b/ Tiến hoá theo hướng tiết kiệm năng lượng trong phản xạ.
- c/ Tiến hoá theo hướng phản ứng chính xác và thích ứng trước kích thích của môi trường.
- d/ Tiến hoá theo hướng tăng lượng phản xạ nên cần nhiều thời gian để phản ứng.

Câu 304: Vì sao trạng thái điện thế nghỉ, ngoài màng mang điện thế dương?

- a/ Do Na^+ mang điện tích dương khi ra ngoài màng bị lực hút tĩnh điện ở phía mặt trong của màng nên nằm sát màng.
- b/ Do K^+ mang điện tích dương khi ra ngoài màng bị lực hút tĩnh điện ở phía mặt trong của màng nên nằm sát màng.
- c/ Do K^+ mang điện tích dương khi ra ngoài màng tạo cho ở phía mặt trong của màng mang điện tích âm.
- d/ Do K^+ mang điện tích dương khi ra ngoài màng tạo ra nồng độ của nó cao hơn ở phía mặt trong của màng.

Câu 305: Vì sao K^+ có thể khuếch tán từ trong ra ngoài màng tế bào?

- a/ Do cổng K^+ mở và nồng độ bên trong màng của K^+ cao.
- b/ Do K^+ có kích thước nhỏ. c/ Do K^+ mang điện tích dương.
- d/ Do K^+ bị lực đẩy cùng dấu của Na^+ .

Câu 306: Điện thế nghỉ là:

- a/ Sự chênh lệch điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào không bị kích thích, phía trong màng mang điện âm và ngoài màng mang điện dương.
- b/ Sự chênh lệch điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào không bị kích thích, phía trong màng mang điện dương và ngoài màng mang điện âm.
- c/ Sự chênh lệch điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào không bị kích thích, phía trong màng mang điện âm và ngoài màng mang điện dương.
- d/ Sự chênh lệch điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào bị kích thích, phía trong màng mang điện âm và ngoài màng mang điện dương.

Câu 307: Sự phân bố ion K^+ và ion Na^+ ở điện thế nghỉ trong và ngoài màng tế bào như thế nào?

- a/ Ở trong tế bào, K^+ có nồng độ thấp hơn và Na^+ có nồng độ cao hơn so với bên ngoài tế bào.
- b/ Ở trong tế bào, K^+ và Na^+ có nồng độ cao hơn so với bên ngoài tế bào.
- c/ Ở trong tế bào, K^+ có nồng độ cao hơn và Na^+ có nồng độ thấp hơn so với bên ngoài tế bào.
- d/ Ở trong tế bào, K^+ và Na^+ có nồng độ thấp hơn so với bên ngoài tế bào.

Câu 308: Hoạt động của bơm $Na^+ - K^+$ để duy trì điện thế nghỉ như thế nào?

- a/ Vận chuyển K^+ từ trong ra ngoài màng giúp duy trì nồng độ K^+ giáp màng ngoài tế bào luôn cao và tiêu tốn năng lượng.
- b/ Vận chuyển K^+ từ ngoài trả vào trong màng giúp duy trì nồng độ K^+ ở trong tế bào luôn tế bào luôn cao và không tiêu tốn năng lượng.
- c/ Vận chuyển K^+ từ ngoài trả vào trong màng giúp duy trì nồng độ K^+ ở trong tế bào luôn tế bào luôn cao và tiêu tốn năng lượng.
- d/ Vận chuyển Na^+ từ trong ra ngoài màng giúp duy trì nồng độ Na^+ giáp màng ngoài tế bào luôn thấp và tiêu tốn năng lượng.

Câu 309: Vì sao sự lan truyền xung thần kinh trên sợi có bao miêlin lại “nhảy cóc”?

- a/ Vì sự thay đổi tính thấm của màng chỉ xảy ra tại các eo Ranvier.
- b/ Vì đảm bảo cho sự tiết kiệm năng lượng.
- c/ Vì giữa các eo Ranvier, sợi trục bị bao bằng bao miêlin cách điện.
- d/ Vì tạo cho tốc độ truyền xung nhanh.

Câu 310: Điện thế hoạt động là:

- a/ Sự biến đổi điện thế nghỉ ở màng tế bào từ phân cực sang mất phân cực, đảo cực và tái phân cực.
- b/ Sự biến đổi điện thế nghỉ ở màng tế bào từ phân cực sang mất phân cực, đảo cực.
- c/ Sự biến đổi điện thế nghỉ ở màng tế bào từ phân cực sang đảo cực, mất phân cực và tái phân cực.
- d/ Sự biến đổi điện thế nghỉ ở màng tế bào từ phân cực sang đảo cực và tái phân cực.

Câu 311: Thụ thể tiếp nhận chất trung gian hoá học nằm ở bộ phận nào của xinap?

- a/ Màng trước xinap.
- b/ Khe xinap.
- c/ Chuỳ xinap.
- d/ Màng sau xinap.

Câu 312: Vì sao trong điện thế hoạt động xảy ra giai đoạn tái phân cực?

- a/ Do Na^+ đi vào ô ạt, làm mặt ngoài màng tế bào tích điện âm, còn mặt trong tích điện âm.
- b/ Do K^+ đi ra ô ạt, làm mặt ngoài màng tế bào tích điện dương, còn mặt trong tích điện âm.
- c/ Do Na^+ đi vào ô ạt, làm mặt ngoài màng tế bào tích điện dương, còn mặt trong tích điện âm.
- d/ Do Na^+ đi vào ô ạt, làm mặt ngoài màng tế bào tích điện âm, còn mặt trong tích điện dương.

Câu 313: Điểm khác biệt của sự lan truyền xung thần kinh trên sợi trục có bao miêlin so với sợi trục không có bao miêlin là:

- a/ Dẫn truyền theo lối “nhảy cóc”, chậm và ít tiêu tốn năng lượng.
- b/ Dẫn truyền theo lối “nhảy cóc”, chậm chạp và tiêu tốn nhiều năng lượng.
- c/ Dẫn truyền theo lối “nhảy cóc”, nhanh và ít tiêu tốn năng lượng.
- d/ Dẫn truyền theo lối “nhảy cóc”, nhanh và tiêu tốn nhiều năng lượng.

Câu 314: Hoạt động của bơm ion Na^+ - K^+ trong lan truyền xung thần kinh như thế nào?

- a/ Khe xinap → Màng trước xinap → Chuỳ xinap → Màng sau xinap.
- b/ Màng trước xinap → Chuỳ xinap → Khe xinap → Màng sau xinap.
- c/ Màng trước xinap → Khe xinap → Chuỳ xinap → Màng sau xinap.
- d/ Chuỳ xinap → Màng trước xinap → Khe xinap → Màng sau xinap.

Câu 315: Quá trình truyền tin qua xináp diễn ra theo trật tự nào?

- a/ Khe xinap → Màng trước xinap → Chuỳ xinap → Màng sau xinap.
- b/ Màng trước xinap → Chuỳ xinap → Khe xinap → Màng sau xinap.
- c/ Màng sau xinap → Khe xinap → Chuỳ xinap → Màng trước xinap.
- d/ Chuỳ xinap → Màng trước xinap → Khe xinap → Màng sau xinap.

Câu 316: Chất trung gian hoá học nằm ở bộ phận nào của xinap?

- a/ Màng trước xinap.
- b/ Chuỳ xinap.
- c/ Màng sau xinap.
- d/ Khe xinap.

Câu 317: Chất trung gian hoá học phổ biến nhất ở động vật có vú là:

- a/ Axêtincolin và đôpamin.
- b/ Axêtincolin và Sêrôtônin.
- c/ Sêrôtônin và noradrênalin.
- d/ Axêtincolin và noradrênalin.

Câu 318: Vì sao trong điện thế hoạt động xảy ra giai đoạn mất phân cực?

- a/ Do K^+ đi vào làm trung hoà điện tích âm trong màng.
- b/ Do Na^+ đi vào làm trung hoà điện tích âm trong màng.
- c/ Do K^+ đi ra làm trung hoà điện tích trong và ngoài màng tế bào.
- d/ Do Na^+ đi ra làm trung hoà điện tích trong và ngoài màng tế bào.

Câu 319: Xinap là:

- a/ Diện tiếp xúc giữa các tế bào ở cạnh nhau.
- b/ Diện tiếp xúc chỉ giữa tế bào thần kinh với tế bào tuyến.

c/ Diện tiếp xúc chỉ giữa tế bào thần kinh với tế bào cơ.

d/ Diện tiếp xúc chỉ giữa các tế bào thần kinh với nhau hay với các tế bào khác (tế bào cơ, tế bào tuyến...).

Câu 320: Sự lan truyền xung thần kinh trên sợi trục không có bao miêlin diễn ra như thế nào?

a/ Xung thần kinh lan truyền liên tục từ vùng này sang vùng khác do mất phân cực đến tái phân cực rồi đảo cực.

b/ Xung thần kinh lan truyền liên tục từ vùng này sang vùng khác do cực rồi đảo cực đến mất phân cực rồi tái phân cực.

c/ Xung thần kinh lan truyền liên tục từ vùng này sang vùng khác do mất phân cực đến đảo cực rồi tái phân cực.

d/ Xung thần kinh lan truyền không liên tục từ vùng này sang vùng khác do mất phân cực đến đảo cực rồi tái phân cực.

Câu 321: Vì sao trong điện thế hoạt động xảy ra giai đoạn đảo cực?

a/ Do K^+ đi ra nhiều, làm mất ngoài màng tế bào tích điện dương, còn mặt trong tích điện âm.

b/ Do K^+ đi vào còn dư thừa, làm mất trong màng tế bào tích điện dương, còn mặt ngoài tích điện âm.

c/ Do Na^+ ra nhiều, làm mất ngoài màng tế bào tích điện dương, còn mặt trong tích điện âm.

d/ Do Na^+ đi vào còn dư thừa, làm mất ngoài màng tế bào tích điện dương, còn mặt trong tích điện âm.

Câu 322: Phương án nào không phải là đặc điểm của sự lan truyền xung thần kinh trên sợi trục có bao miêlin?

a/ Dẫn truyền theo lối “Nhảy cóc” từ eo Ranvier này chuyển sang eo Ranvier khác.

b/ Sự thay đổi tính chất màng chỉ xảy ra tại các eo.

c/ Dẫn truyền nhanh và ít tiêu tốn năng lượng.

d/ Nếu kích thích tại điểm giữa sợi trục thì lan truyền chỉ theo một hướng.

Câu 323: Ý nào không có trong quá trình truyền tin qua xináp?

a/ Các CTGHH gắn vào thụ thể màng sau làm xuất hiện xung thần kinh rồi lan truyền đi tiếp.

b/ Các chất trung gian hoá học (CTGHH) trong các bóng Ca^+ gắn vào màng trước vỡ ra và qua khe xináp đến màng sau.

c/ Xung thần kinh lan truyền tiếp từ màng sau đến màng trước.

d/ Xung thần kinh lan truyền đến làm Ca^+ đi vào trong chùy xináp.

Câu 324: Xung thần kinh là:

a/ Thời điểm sắp xuất hiện điện thế hoạt động.

b/ Sự xuất hiện điện thế hoạt động.

c/ Thời điểm sau khi xuất hiện điện thế hoạt động.

d/ Thời điểm chuyển giao giữa điện thế nghỉ sang điện thế hoạt động.

Câu 325: Phương án nào không phải là đặc điểm của sự lan truyền xung thần kinh trên sợi trục không có bao miêlin?

- a/ Xung thần kinh lan truyền liên tục từ vùng này sang vùng khác.
- b/ Xung thần kinh lan truyền từ nơi có điện tích dương đến nơi có điện tích âm
- c/ Xung thần kinh lan truyền ngược lại từ phía ngoài màng.
- d/ Xung thần kinh không chạy trên sợi trục mà chỉ kích thích vùng màng làm thay đổi tính thấm.

Câu 326: Vì sao tập tính học tập ở người và động vật có hệ thần kinh phát triển được hình thành rất nhiều?

- a/ Vì số tế bào thần kinh rất nhiều và tuổi thọ thường cao.
- b/ Vì sống trong môi trường phức tạp.
- c/ Vì có nhiều thời gian để học tập.
- d/ Vì hình thành mối liên hệ mới giữa các noron.

Câu 327: Ý nào không phải là đặc điểm của tập tính bẩm sinh?

- a/ Có sự thay đổi linh hoạt trong đời sống cá thể.
- b/ Rất bền vững và không thay đổi.
- c/ Là tập hợp các phản xạ không điều kiện diễn ra theo một trình tự nhất định.
- d/ Do kiểu gen quy định.

Câu 328: Các thông tin từ các thụ quan gửi về dưới dạng các xung thần kinh đã được mã hoá như thế nào?

- a/ Chỉ bằng tần số xung thần kinh.
- b/ Chỉ bằng số lượng noron bị hưng hần.
- c/ Bằng tần số xung, vị trí và số lượng noron bị hưng phần.
- d/ Chỉ bằng vị trí noron bị hưng phần.

Câu 329: Sự hình thành tập tính học tập là:

- a/ Sự tạo lập một chuỗi các phản xạ có điều kiện, trong đó hình thành các mối liên hệ mới giữa các noron bền vững.
- b/ Sự tạo lập một chuỗi các phản xạ có điều kiện, trong đó hình thành các mối liên hệ mới giữa các noron nên có thể thay đổi.
- c/ Sự tạo lập một chuỗi các phản xạ có điều kiện và không điều kiện, trong đó hình thành các mối liên hệ mới giữa các noron nên có thể thay đổi.
- d/ Sự tạo lập một chuỗi các phản xạ có điều kiện, trong đó hình thành các mối liên hệ mới giữa các noron và được di truyền.

Câu 330: Ý nào không phải đối với phân loại tập tính học tập?

- a/ Tập tính bẩm sinh.
- b/ Tập tính học được.

- c/ Tập tính hỗn hợp (Bao gồm tập tính bẩm sinh và tập tính học được) d/ Tập tính nhất thời.

Câu 331: Tập tính quen nhờn là:

- a/ Tập tính động vật không trả lời khi kích thích không liên tục mà không gây nguy hiểm gì.
 b/ Tập tính động vật không trả lời khi kích thích ngắn gọn mà không gây nguy hiểm gì.
 c/ Tập tính động vật không trả lời khi kích thích lặp đi lặp lại nhiều lần mà không gây nguy hiểm gì.
 d/ Tập tính động vật không trả lời khi kích thích giảm dần cường độ mà không gây nguy hiểm gì.

Câu 332 In vết là:

- a/ Hình thức học tập mà con vật sau khi được sinh ra một thời gian bám theo vật thể chuyển động mà nó nhìn thấy đầu tiên và giảm dần qua những ngày sau.
 b/ Hình thức học tập mà con vật mới sinh bám theo vật thể chuyển động mà nó nhìn thấy đầu tiên và giảm dần qua những ngày sau.
 c/ Hình thức học tập mà con mới sinh bám theo vật thể chuyển động mà nó nhìn thấy nhiều lần và giảm dần qua những ngày sau.
 d/ Hình thức học tập mà con vật mới sinh bám theo vật thể chuyển động mà nó nhìn thấy đầu tiên và tăng dần qua những ngày sau.

Câu 333: Tính học tập ở động vật không xương sống rất ít được hình thành là vì:

- a/ Số tế bào thần kinh không nhiều và tuổi thọ thường ngắn.
 b/ Sống trong môi trường đơn giản.
 c/ Không có thời gian để học tập.
 d/ Khó hình thành mối liên hệ mới giữa các noron.

Câu 334: Tập tính học được là:

- a/ Loại tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.
 b/ Loại tập tính được hình thành trong quá trình phát triển của loài, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.
 c/ Loại tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, được di truyền.
 d/ Loại tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, mang tính đặc trưng cho loài.

Câu 335: Mối liên hệ giữa kích thích và sự xuất hiện tập tính như thế nào?

- a/ Mọi kích thích đều làm xuất hiện tập tính.
 b/ Không phải bất kì kích thích nào cũng là xuất hiện tập tính.
 c/ Kích thích càng mạnh càng dễ làm xuất hiện tập tính.
 d/ Kích thích càng lặp lại càng dễ làm xuất hiện tập tính.

Câu 336: Tập tính động vật là:

a/ Một số phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống, tồn tại và phát triển.

b/ Chuỗi những phản ứng trả lời các kích thích của môi trường bên ngoài cơ thể nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống, tồn tại và phát triển.

c/ Những phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể) nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống, tồn tại và phát triển.

d/ Chuỗi những phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể) nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống, tồn tại và phát triển.

Câu 337: Mức độ phức tạp của tập tính tăng lên khi:

a/ Số lượng các xinap trong cung phản xạ tăng lên.

b/ Kích thích của môi trường kéo dài.

c/ Kích thích của môi trường lặp lại nhiều lần.

d/ Kích thích của môi trường mạnh mẽ.

Câu 338: Điều kiện hoá đáp ứng là:

a/ Hình thành mối liên hệ mới trong thần kinh trung ương dưới tác động của các kích thích đồng thời.

b/ Hình thành mối liên hệ mới trong thần kinh trung ương dưới tác động của các kích thích liên tiếp nhau.

c/ Hình thành mối liên hệ mới trong thần kinh trung ương dưới tác động của các kích thích trước và sau.

d/ Hình thành mối liên hệ mới trong thần kinh trung ương dưới tác động của các kích thích rời rạc.

Câu 339: Các loại tập tính có ở động vật có trình độ tổ chức khác nhau như thế nào?

a/ Hầu hết các tập tính ở động vật có trình độ tổ chức thấp là tập tính bẩm sinh. Động vật bậc cao có tập tính chủ yếu là tập tính học được.

b/ Hầu hết các tập tính ở động vật có trình độ tổ chức thấp là tập tính hỗn hợp. Động vật bậc cao có nhiều tập tính học được.

c/ Hầu hết các tập tính ở động vật có trình độ tổ chức thấp là tập tính bẩm sinh. Động vật bậc cao có nhiều tập tính học được.

d/ Hầu hết các tập tính ở động vật có trình độ tổ chức thấp là tập tính học được. Động vật bậc cao có nhiều tập tính bẩm sinh.

Câu 340: Ý nào không đúng với Axêtincolin sau khi xuất hiện xung thần kinh?

a/ Axêtincolin được tái chế phân bố tự do trong chùy xinap.

b/ Axêtincolin bị Axêtincolinesteraza phân giải thành axêtat và colin.

c/ Axêtat và colin trở lại màng trước và vào chùy xinap để tái tổng hợp thành Axêtincolin.

d/ Axêtincolin tái chế đượ chứa trong các bóng xinap.

Câu 341: Điều kiện hoá hành động là:

- a/ Kiểu liên kết giữa các hành vi và các kích thích sau đó động vật chủ động lặp lại các hành vi này.
- b/ Kiểu liên kết giữa một hành vi với một hệ quả mà sau đó động vật chủ động lặp lại các hành vi này.
- c/ Kiểu liên kết giữa một hành vi và một kích thích sau đó động vật chủ động lặp lại các hành vi này.
- d/ Kiểu liên kết giữa hai hành vi với nhau mà sau đó động vật chủ động lặp lại các hành vi này.

Câu 342: Tập tính bẩm sinh là:

- a/ Những hoạt động phức tạp của động vật, sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.
- b/ Một số ít hoạt động của động vật, sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.
- c/ Những hoạt động đơn giản của động vật, sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.
- d/ Những hoạt động cơ bản của động vật, sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.

Câu 343: Vì sao trong một cung phản xạ, xung thần kinh chỉ truyền theo một chiều từ cơ quan thụ cảm đến cơ quan đáp ứng.

- a/ Vì sự chuyển giao xung thần kinh qua xináp nhờ chất trung gian hoá học chỉ theo một chiều.
- b/ Vì các thụ thể ở màng sau xináp chỉ tiếp nhận các chất trung gian hoá học theo một chiều.
- c/ Vì khe xináp ngăn cản sự truyền tin ngược chiều.
- d/ Vì chất trung gian hoá học bị phân giải sau khi đến màng sau.

Câu 344: Những tập tính nào là những tập tính bẩm sinh?

- a/ Người thấy đèn đỏ thì dừng lại, chuột nghe mèo kêu thì chạy.
- b/ Ve kêu vào mùa hè, chuột nghe mèo kêu thì chạy.
- c/ Ve kêu vào mùa hè, ếch đực kêu vào mùa sinh sản.
- d/ Người thấy đèn đỏ thì dừng lại, ếch đực kêu vào mùa sinh sản.

Câu 345: Học ngầm là:

- a/ Những điều học được một cách không có ý thức mà sau đó động vật rút kinh nghiệm để giải quyết vấn đề tương tự.
- b/ Những điều học được một cách có ý thức mà sau đó giúp động vật giải quyết được vấn đề tương tự dễ dàng.
- c/ Những điều học được không có ý thức mà sau đó được tái hiện giúp động vật giải quyết được vấn đề tương tự một cách dễ dàng.
- d/ Những điều học được một cách có ý thức mà sau đó được tái hiện giúp động vật giải quyết vấn đề tương tự dễ dàng.

Câu 346: Học khôn là:

- a/ Phối hợp những kinh nghiệm cũ để tìm cách giải quyết những tình huống gặp lại.
- b/ Biết phân tích các kinh nghiệm cũ để tìm cách giải quyết những tình huống mới.

c/ Biết rút các kinh nghiệm cũ để tìm cách giải quyết những tình huống mới.

d/ Phối hợp các kinh nghiệm cũ để tìm cách giải quyết giải quyết những tình huống mới.

Câu 347: Khi thả tiếp một hòn đá vào cạnh con rùa thì thấy nó không rụt đầu vào mai nữa. Đây là một ví dụ về hình thức học tập:

a/ Học khôn.

b/ Học ngầm.

c/ Điều kiện hoá hành động.

d/ Quen nhờn

Câu 348: Tập tính bảo vệ lãnh thổ diễn ra:

a/ Giữa những cá thể cùng loài. b/ Giữa những cá thể khác loài.

c/ Giữa những cá thể cùng lứa trong loài.

d/ Giữa con với bố mẹ.

Câu 349: Về tập tính con người khác hẳn với động vật ở điểm nào?

a/ Tập tính xã hội cao. b/ Điều chỉnh được tập tính bẩm sinh.

c/ Có nhiều tập tính hỗn hợp d/ Phát triển tập tính học tập.

Câu 250: Tập tính phản ánh mối quan hệ cùng loài mang tính tổ chức cao là:

a/ Tập tính sinh sản. b/ Tập tính di cư

c/ Tập tính xã hội. d/ Tập tính bảo vệ lãnh thổ.

Câu 251: Tập tính kiếm ăn ở động vật có tổ chức hệ thần kinh chưa phát triển thuộc loại tập tính nào?

a/ Số ít là tập tính bẩm sinh. b/ Phần lớn là tập tính học tập.

c/ Phần lớn là tập tính bẩm sinh. d/ Toàn là tập tính học tập.

Câu 252: Khi mở nắp bể, đàn cá cảnh thường tập trung về nơi thường cho ăn. Đây là ví dụ về hình thức học tập:

a/ Học ngầm. b/ Điều kiện hoá đáp ứng.

c/ Học khôn. d/ Điều kiện hoá hành động.

Câu 353: Tập tính kiếm ăn ở động vật có tổ chức hệ thần kinh phát triển thuộc loại tập tính nào?

a/ Phần lớn là tập tính bẩm sinh. b/ Phần lớn là tập tính học tập.

c/ Số ít là tập tính bẩm sinh. d/ Toàn là tập tính học tập.

Câu 354: Thầy yêu cầu bạn giải một bài tập di truyền mới, bạn giải được. Đây là một ví dụ về hình thức học tập:

a/ Điều kiện hoá đáp ứng. b/ Học ngầm.

c/ Điều kiện hoá hành động. d/ Học khôn.

Câu 355: Tập tính sinh sản của động vật thuộc loại tập tính nào?

a/ Số ít là tập tính bẩm sinh. b/ Toàn là tập tính tự học.

c/ Phần lớn tập tính tự học. d/ Phần lớn là tập tính bẩm sinh.

Câu 356: Ứng dụng tập tính nào của động vật, đòi hỏi công sức nhiều nhất của con người?

- a/ Phát huy những tập tính bẩm sinh.
 b/ Phát triển những tập tính học tập.
 c/ Thay đổi tập tính bẩm sinh. d/ Thay đổi tập tính học tập.

Câu 357: Hình thức học tập đơn giản nhất của động vật là:

- a/ In vết. b/ Quen nhờn. c/ Học ngầm
 d/ Điều kiện hoá hành động

Câu 358: Hình thức học tập nào phát triển nhất ở người so với động vật?

- a/ Điều kiện hoá đáp ứng. b/ Học ngầm.
 c/ Điều kiện hóa hành động. d/ Học khôn.

Câu 359: Tập tính phản ánh mối quan hệ cùng loài mang tính tổ chức cao là:

- a/ Tập tính xã hội. b/ Tập tính bảo vệ lãnh thổ.
 c/ Tập tính sinh sản. d/ Tập tính di cư.

ĐÁP ÁN

Câu 360: Tập tính phản ánh mối quan hệ khác loài là:

Câu 274: c/ Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận phân tích và tổng hợp thông tin → Bộ phận thực hiện phản ứng.

Câu 275: a/ Hạch đầu, hạch thân.

Câu 276: c/ Phản xạ được coi là một dạng điển hình của cảm ứng.

Câu 277: b/ Toàn bộ cơ thể co lại khi bị kích thích.

Câu 278: a/ Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → Hệ thần kinh → Cơ, tuyến.

Câu 279: b/ Co toàn bộ cơ thể.

Câu 280: a/ Các tế bào thần kinh tập trung thành các hạch thần kinh và được nối với nhau tạo thành chuỗi hạch nằm dọc theo chiều dài cơ thể.

Câu 281: b/ Các giác quan tiếp nhận kích thích → Chuỗi hạch phân tích và tổng hợp thông tin → Các nội quan thực hiện phản ứng.

Câu 282: d/ Thông qua phản xạ.

Câu 283: d/ Phản ứng toàn thân, tiêu tốn nhiều năng lượng so với thần kinh dạng lưới.

Câu 284: a/ Tế bào cảm giác → Mạng lưới thần kinh → Tế bào mô bì cơ.

Câu 285: b/ Hạch não.

Câu 286: d/ Hạch đầu, hạch ngực, hạch bụng.

Câu 287: a/ Hạch não.

Câu 288: c/ Các tế bào thần kinh rải rác trong cơ thể và liên hệ với nhau qua sợi thần kinh tạo thành mạng lưới tế bào thần kinh.

Câu 289: d/ Diễn ra nhanh hơn.

Câu 290: d/ Phản xạ có điều kiện, trong đó có sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh trong đó có các tế bào vỏ não.

Câu 291: b/ Bán cầu đại não.

Câu 292: a/ Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú.

Câu 293d/ Là phản xạ có điều kiện.

Câu 294: c/ Thần kinh trung ương và thần kinh ngoại biên.

Câu 295: c/ Bán cầu đại não.

Câu 296: c/ Bán cầu đại não, não trung gian, não giữa, tiểu não và hành não.

Câu 297: c/ Phản xạ không điều kiện, thực hiện trên cung phản xạ được tạo bởi một số ít tế bào thần kinh và thường do tuỷ sống điều khiển.

Câu 298: c/ Có số lượng không hạn chế.

Câu 299: c/ Có số lượng hạn chế.

Câu 300: d/ Hệ thần kinh vận động điều khiển những hoạt động theo ý muốn và hệ thần kinh sinh dưỡng điều khiển những hoạt động không theo ý muốn.

Câu 301: c/ Thụ quan đau ở da → Sợi cảm giác của dây thần kinh tuỷ → Tuỷ sống → Sợi vận động của dây thần kinh tuỷ → Các cơ ngón tay.

Câu 302: c/ Sự phân bố ion không đều, sự di chuyển của ion theo hướng đi ra và tính thấm có chọn lọc của màng tế bào với ion.

Câu 303: d/ Tiến hoá theo hướng tăng lượng phản xạ nên cần nhiều thời gian để phản ứng.

Câu 304: b/ Do K^+ mang điện tích dương khi ra ngoài màng bị lực hút tĩnh điện ở phía mặt trong của màng nên nằm sát màng.

Câu 305: a/ Do cổng K^+ mở và nồng độ bên trong màng của K^+ cao.

Câu 306: c/ Sự chênh lệch điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào không bị kích thích, phía trong màng mang điện âm và ngoài màng mang điện dương.

Câu 307c/ Ở trong tế bào, K^+ có nồng độ cao hơn và Na^+ có nồng độ thấp hơn so với bên ngoài tế bào.

Câu 308: c/ Vận chuyển K^+ từ ngoài trả vào trong màng giúp duy trì nồng độ K^+ ở trong tế bào luôn tế bào luôn cao và tiêu tốn năng lượng.

Câu 309: c/ Vì giữa các eo Ranvier, sợi trục bị bao bằng bao miêlin cách điện.

Câu 310: a/ Sự biến đổi điện thế nghỉ ở màng tế bào từ phân cực sang mất phân cực, đảo cực và tái phân cực.

Câu 311: d/ Màng sau xinap.

Câu 312: b/ Do K^+ đi ra ồ ạt, làm mặt ngoài màng tế bào tích điện dương, còn mặt trong tích điện âm.

Câu 313: c/ Dẫn truyền theo lối “nhảy cóc”, nhanh và ít tiêu tốn năng lượng.

Câu 314: d/ Chuỳ xinap → Màng trước xinap → Khe xinap → Màng sau xinap.

Câu 315: d/ Chuỳ xinap → Màng trước xinap → Khe xinap → Màng sau xinap.

Câu 316: b/ Chuỳ xinap.

Câu 317: d/ Axêtincolin và noradrênalin.

Câu 318: b/ Do Na^+ đi vào làm trung hoà điện tích âm trong màng.

Câu 319: d/ Diện tiếp xúc chỉ giữa các tế bào thần kinh với nhau hay với các tế bào khác (tế bào cơ, tế bào tuyến...).

Câu 320: c/ Xung thần kinh lan truyền liên tục từ vùng này sang vùng khác do mất phân cực đến đảo cực rồi tái phân cực.

Câu 321: d/ Do Na^+ đi vào còn dư thừa, làm mặt ngoài màng tế bào tích điện dương, còn mặt trong tích điện âm.

Câu 322: d/ Nếu kích thích tại điểm giữa sợi trục thì lan truyền chỉ theo một hướng.

Câu 323: c/ Xung thần kinh lan truyền tiếp từ màng sau đến màng trước.

Câu 324: b/ Sự xuất hiện điện thế hoạt động.

Câu 325: c/ Xung thần kinh lan truyền ngược lại từ phía ngoài màng.

Câu 326: a/ Vì số tế bào thần kinh rất nhiều và tuổi thọ thường cao.

Câu 327: a/ Có sự thay đổi linh hoạt trong đời sống cá thể.

Câu 328: c/ Bằng tần số xung, vị trí và số lượng noron bị hưng phấn.

Câu 329: b/ Sự tạo lập một chuỗi các phản xạ có điều kiện, trong đó hình thành các mối liên hệ mới giữa các noron nên có thể thay đổi.

Câu 330: d/ Tập tính nhất thời.

Câu 331: c/ Tập tính động vật không trả lời khi kích thích lặp đi lặp lại nhiều lần mà không gây nguy hiểm gì.

Câu 332: b/ Hình thức học tập mà con vật mới sinh bám theo vật thể chuyển động mà nó nhìn thấy đầu tiên và giảm dần qua những ngày sau.

Câu 333: a/ Số tế bào thần kinh không nhiều và tuổi thọ thường ngắn.

Câu 334: a/ Loại tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.

Câu 335b/ Không phải bất kì kích thích nào cũng là xuất hiện tập tính.

Câu 336d/ Chuỗi những phản ứng trả lời các kích thích của môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể) nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống, tồn tại và phát triển.

Câu 337: a/ Số lượng các xinap trong cung phản xạ tăng lên.

Câu 338 Hình thành mối liên hệ mới trong thần kinh trung ương dưới tác động của các kích thích đồng thời.

Câu 339: c/ Hầu hết các tập tính ở động vật có trình độ tổ chức thấp là tập tính bẩm sinh. Động vật bậc cao có nhiều tập tính học được.

Câu 340a/ Axêtincolin được tái chế phân bố tự do trong chùy xinap.

Câu 341: b/ Kiểu liên kết giữa một hành vi với một hệ quả mà sau đó động vật chủ động lặp lại các hành vi này.

Câu 342: d/ Những hoạt động cơ bản của động vật, sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.

Câu 343: a/ Vì sự chuyển giao xung thần kinh qua xináp nhờ chất trung gian hoá học chỉ theo một chiều.

Câu 344: c/ Ve kêu vào mùa hè, ếch đực kêu vào mùa sinh sản.

Câu 345: c/ Những điều học được không có ý thức mà sau đó được tái hiện giúp động vật giải quyết được vấn đề tương tự một cách dễ dàng.

Câu 346: d/ Phối hợp các kinh nghiệm cũ để tìm cách giải quyết giải quyết những tình huống mới.

Câu 347: d/ Quen nhờn

Câu 348 a/ Giữa những cá thể cùng loài.

Câu 349: b/ Điều chỉnh được tập tính bẩm sinh.

Câu 250: a/ Tập tính sinh sản.

Câu 251: c/ Phần lớn là tập tính bẩm sinh.

Câu 252: b/ Điều kiện hoá đáp ứng.

Câu 353: b/ Phần lớn là tập tính học tập.

Câu 354: d/ Học khôn.

Câu 355: d/ Phần lớn là tập tính bẩm sinh.

Câu 356: c/ Thay đổi tập tính bẩm sinh.

Câu 357: b/ Quen nhờn.

Câu 358 d/ Học khôn.

Câu 359: a/ Tập tính xã hội.

Câu 360: d/ Tập tính sinh sản.

Chương III: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN.

A - SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT.

Câu 361: Giải phẫu mặt cắt ngang thân sinh trưởng thứ cấp theo thứ tự từ ngoài vào trong thân là:

a/ Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

b/ Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây thứ cấp → Mạch rây sơ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

c/ Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ sơ cấp → Gỗ thứ cấp → Tuỷ.

d/ Tầng sinh bần → Bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

Câu 362: Đặc điểm nào không có ở sinh trưởng sơ cấp?

a/ Làm tăng kích thước chiều dài của cây.

b/ Diễn ra hoạt động của tầng sinh bần.

c/ Diễn ra cả ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.

d/ Diễn ra hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

Câu 363: Láy tuỷ làm tâm, sự phân bố của mạch rây và gỗ trong sinh trưởng sơ cấp như thế nào?

a/ Gỗ nằm phía ngoài còn mạch rây nằm phía trong tầng sinh mạch.

b/ Gỗ và mạch rây nằm phía trong tầng sinh mạch.

c/ Gỗ nằm phía trong còn mạch rây nằm phía ngoài tầng sinh mạch.

d/ Gỗ và mạch rây nằm phía ngoài tầng sinh mạch.

Câu 364: Mô phân sinh bên và phân sinh lóng có ở vị trí nào của cây?

a/ Mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng có ở thân cây một lá mầm.

b/ Mô phân sinh bên có ở thân cây một lá mầm, còn mô phân sinh lóng có ở thân cây hai lá mầm.

c/ Mô phân sinh bên có ở thân cây hai lá mầm, còn mô phân sinh lóng có ở thân cây một lá mầm.

d/ Mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng có ở thân cây hai lá mầm.

Câu 365: Lấy tuỷ làm tâm, sự phân bố của gỗ sơ cấp và thứ cấp trong sinh trưởng thứ cấp như thế nào?

a/ Cả hai đều nằm phía ngoài tầng sinh mạch, trong đó gỗ thứ cấp nằm phía trong còn gỗ sơ cấp nằm phía ngoài.

b/ Cả hai đều nằm phía ngoài tầng sinh mạch, trong đó gỗ thứ cấp nằm phía ngoài còn gỗ sơ cấp nằm phía trong.

c/ Cả hai đều nằm phía trong tầng sinh mạch, trong đó gỗ thứ cấp nằm phía ngoài còn gỗ sơ cấp nằm phía trong.

d/ Cả hai đều nằm phía trong tầng sinh mạch, trong đó gỗ thứ cấp nằm phía trong còn gỗ sơ cấp nằm phía ngoài.

Câu 366: Mô phân sinh đỉnh không có ở vị trí nào của cây?

a/ Ở đỉnh rễ. b/ Ở thân. c/ Ở chồi nách. d/ Ở chồi đỉnh.

Câu 367: Lấy tuỷ làm tâm, sự phân bố của mạch rây sơ cấp và thứ cấp trong sinh trưởng thứ cấp như thế nào?

a/ Cả hai đều nằm phía trong tầng sinh mạch, trong đó mạch thứ cấp nằm phía ngoài còn mạch sơ cấp nằm phía trong.

b/ Cả hai đều nằm phía ngoài tầng sinh mạch, trong đó mạch thứ cấp nằm phía trong còn mạch sơ cấp nằm phía ngoài.

c/ Cả hai đều nằm phía ngoài tầng sinh mạch, trong đó mạch thứ cấp nằm phía ngoài còn mạch sơ cấp nằm phía trong.

d/ Cả hai đều nằm phía trong tầng sinh mạch, trong đó mạch thứ cấp nằm phía trong còn mạch sơ cấp nằm phía ngoài.

Câu 368: Giải phẫu mặt cắt ngang thân sinh trưởng sơ cấp theo thứ tự từ ngoài vào trong thân là:

a/ Vỏ → Biểu bì → Mạch rây sơ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

b/ Biểu bì → Vỏ → Mạch rây sơ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

c/ Biểu bì → Vỏ → Gỗ sơ cấp → Tầng sinh mạch → Mạch rây sơ cấp → Tuỷ.

d/ Biểu bì → Vỏ → Tầng sinh mạch → Mạch rây sơ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

Câu 369: Sinh trưởng sơ cấp của cây là:

a/ Sự sinh trưởng của thân và rễ theo chiều dài do hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

b/ Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động phân hoá của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.

c/ Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây hai lá mầm.

d/ Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây cây một lá mầm.

Câu 370: Đặc điểm nào không có ở sinh trưởng thứ cấp?

- a/ Làm tăng kích thước chiều ngang của cây.
- b/ Diễn ra chủ yếu ở cây một lá mầm và hạn chế ở cây hai lá mầm.
- c/ Diễn ra hoạt động của tầng sinh mạch.
- d/ Diễn ra hoạt động của tầng sinh bản (vỏ).

Câu 371: Sinh trưởng thứ cấp là:

- a/ Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh bên của cây thân thảo hoạt động tạo ra.
- b/ Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh bên của cây thân gỗ hoạt động tạo ra.
- c/ Sự tăng trưởng bề ngang của cây một lá mầm do mô phân sinh bên của cây hoạt động tạo ra.
- d/ Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh lóng của cây hoạt động tạo ra.

Câu 372: Người ta sử dụng Auxin tự nhiên (AIA) và Auxin nhân tạo (ANA, AIB) để:

- a/ Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, hạn chế tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.
- b/ Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.
- c/ Hạn chế ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.
- d/ Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả có hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

Câu 373: Gibêrelin có vai trò:

- a/ Làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.
- b/ Làm giảm số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.
- c/ Làm tăng số lần nguyên phân, giảm chiều dài của tế bào và tăng chiều dài thân.
- d/ Làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và giảm chiều dài thân.

Câu 374: Xitôkalin chủ yếu sinh ra ở:

- a/ Đỉnh của thân và cành.
- b/ Lá, rễ
- c/ Tế bào đang phân chia ở rễ, hạt, quả.
- d/ Thân, cành

Câu 375: Auxin chủ yếu sinh ra ở:

b/ Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và phát triển chồi bên, làm chậm sự hoá già của tế bào.

c/ Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và làm chậm sự phát triển của chồi bên và sự hoá già của tế bào.

d/ Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và làm chậm sự phát triển chồi bên, làm chậm sự hoá già của tế bào.

Câu 382: Tương quan giữa GA/AAB điều tiết sinh lý của hạt như thế nào?

a/ Trong hạt khô, GA và AAB đạt trị số ngang nhau.

b/ Trong hạt nảy mầm, AAB đạt trị số lớn hơn GA.

c/ Trong hạt khô, GA đạt trị số cực đại, AAB rất thấp. Trong hạt nảy mầm GA tăng nhanh, giảm xuống rất mạnh; còn AAB đạt trị số cực đại.

d/ Trong hạt khô, GA rất thấp, AAB đạt trị số cực đại. Trong hạt nảy mầm GA tăng nhanh, đạt trị số cực đại còn AAB giảm xuống rất mạnh.

Câu 383: Không dùng Auxin nhân tạo đối với nông phẩm trực tiếp làm thức ăn là vì:

a/ Làm giảm năng suất của cây sử dụng lá.

b/ Không có enzym phân giải nên tích lũy trong nông phẩm sẽ gây độc hại đối với người và gia súc.

c/ Làm giảm năng suất của cây sử dụng củ.

d/ Làm giảm năng suất của cây sử dụng thân.

Câu 384: Những hoocmôn môn thực vật thuộc nhóm kìm hãm sự sinh trưởng là:

a/ Auxin, xitôkinin.

b/ Auxin, gibêrelin.

c/ Gibêrelin, êtylen.

d/ Etylen, Axit absixic.

Câu 385: Auxin có vai trò:

a/ Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra hoa.

b/ Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra lá.

c/ Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra rễ phụ.

d/ Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra quả.

Câu 386: Đặc điểm nào không có ở hoocmôn thực vật?

a/ Tính chuyển hoá cao hơn nhiều so với hoocmôn ở động vật bậc cao.

b/ Với nồng độ rất thấp gây ra những biến đổi mạnh trong cơ thể.

c/ Được vận chuyển theo mạch gỗ và mạch rây.

d/ Được tạo ra một nơi nhưng gây ra phản ứng ở nơi khác.

b/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 10 giờ.

c/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 12 giờ.

d/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 14 giờ.

Câu 394: Các cây trung tính là cây;

a/ Thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương.

b/ Hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.

c/ Cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.

d/ Thuộc dục, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.

Câu 395: Quang chu kì là:

a/ Tương quan độ dài ban ngày và ban đêm.

b/ Thời gian chiếu sáng xen kẽ với bóng tối bằng nhau trong ngày.

c/ Thời gian chiếu sáng trong một ngày.

d/ Tương quan độ dài ban ngày và ban đêm trong một mùa.

Câu 396: Cây cà chua đến tuổi lá thứ mấy thì ra hoa?

a/ Lá thứ 14.

b/ Lá thứ 15.

c/ Lá thứ 12.

d/ Lá thứ 13.

Câu 397: Florigen kích thích sự ra hoa của cây được sinh ra ở:

a/ Chồi nách.

b/ Lá.

c/ Đỉnh thân.

d/ Rễ.

Câu 398: Phitôcrôm là:

a/ Sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin và chứa các hạt cần ánh sáng để nảy mầm.

b/ Sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là phi prôtêin và chứa các hạt cần ánh sáng để nảy mầm.

c/ Sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin và chứa các lá cần ánh sáng để quang hợp.

d/ Sắc tố cảm nhận quang chu kì nhưng không cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin và chứa các hạt cần ánh sáng để nảy mầm.

Câu 399: Phát triển ở thực vật là:

a/ Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện qua hai quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

b/ Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện ở ba quá trình không liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

c/ Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện ở ba quá trình liên quan với nhau là sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

d/ Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện qua hai quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

Câu 400: Mối liên hệ giữa Phitôcrôm P_d và P_{dx} như thế nào?

a/ Hai dạng chuyển hoá lẫn nhau dưới sự tác động của ánh sáng.

b/ Hai dạng không chuyển hoá lẫn nhau dưới sự tác động của ánh sáng.

c/ Chỉ dạng P_d chuyển hoá sang dạng P_{dx} dưới sự tác động của ánh sáng.

d/ Chỉ dạng P_{dx} chuyển hoá sang dạng P_d dưới sự tác động của ánh sáng.

Câu 401: Phitôcrôm có những dạng nào?

a/ Dạng hấp thụ ánh sáng đỏ (P_d) có bước sóng 660nm và dạng hấp thụ ánh sáng đỏ xa (P_{dx}) có bước sóng 730nm.

b/ Dạng hấp thụ ánh sáng đỏ (P_d) có bước sóng 730nm và dạng hấp thụ ánh sáng đỏ xa (P_{dx}) có bước sóng 660nm.

c/ Dạng hấp thụ ánh sáng đỏ (P_d) có bước sóng 630nm và dạng hấp thụ ánh sáng đỏ xa (P_{dx}) có bước sóng 760nm.

d/ Dạng hấp thụ ánh sáng đỏ (P_d) có bước sóng 560nm và dạng hấp thụ ánh sáng đỏ xa (P_{dx}) có bước sóng 630nm.

Câu 402: Tuổi của cây một năm được tính theo:

a/ Số lóng. b/ Số lá. c/ Số chồi nách. d/ Số cành.

Câu 403: Cây trung tính là:

a/ Cây ra hoa ở ngày dài vào mùa mưa và ở ngày ngắn vào mùa khô.

b/ Cây ra hoa ở cả ngày dài và ngày ngắn.

c/ Cây ra hoa ở ngày dài vào mùa lạnh và ở ngày ngắn vào mùa nóng.

d/ Cây ra hoa ở ngày ngắn vào mùa lạnh và ở ngày dài vào mùa nóng.

Câu 404: Các cây ngày dài là các cây:

a/ Cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.

b/ Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.

c/ Hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.

d/ Thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương.

B - SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT.

Câu 405: Sinh trưởng của cơ thể động vật là:

- a/ Quá trình tăng kích thước của các hệ cơ quan trong cơ thể.
- b/ Quá trình tăng kích thước của cơ thể do tăng kích thước và số lượng của tế bào.
- c/ Quá trình tăng kích thước của các mô trong cơ thể.
- d/ Quá trình tăng kích thước của các cơ quan trong cơ thể.

Câu 406: Testostêrôn được sinh sản ra ở:

- a/ Tuyến giáp. b/ Tuyến yên. c/ Tinh hoàn. d/ Buồng trứng.

Câu 407: Những động vật sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn là:

- a/ Cá chép, gà, thỏ, khi. b/ Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.
- c/ Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua. d/ Châu chấu, ếch, muỗi.

Câu 408: Biến thái là:

- a/ Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và từ từ về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.
- b/ Sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và đột ngột về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.
- c/ Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.
- d/ Sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

Câu 409: Sinh trưởng và phát triển của động vật không qua biến thái là kiểu phát triển mà con non có:

- a. đặc điểm hình thái, cấu tạo tương tự với con trưởng thành nhưng khác về sinh lý.
- b. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý khác với con trưởng thành.
- c. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành.**
- d. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý khác với con trưởng thành.

Câu 410: Những động vật sinh trưởng và phát triển không qua biến thái hoàn toàn là:

- a/ Cá chép, gà, thỏ, khi. b/ Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.
- c/ Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua. d/ Châu chấu, ếch, muỗi.

Câu 411: Nếu tuyến yên sản sinh ra quá ít hoặc quá nhiều hoocmôn sinh trưởng ở giai đoạn trẻ em sẽ dẫn đến hậu quả:

- a/ Chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.
- b/ Các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển.
- c/ Người bé nhỏ hoặc khổng lồ.
- d/ Các đặc điểm sinh dục nam kém phát triển.

Câu 412: Nhân tố quan trọng điều khiển sinh trưởng và phát triển của động vật là:

- a/ Nhân tố di truyền.
- b/ Hoocmôn.
- c/ Thức ăn.
- d/ Nhiệt độ và ánh sáng

Câu 413 Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn là:

- a/ Trường hợp ấu trùng phát triển hoàn thiện, trải qua nhiều lần biến đổi nó biến thành con trưởng thành.
- b/ Trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua nhiều lần biến đổi nó biến thành con trưởng thành.
- c/ Trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua nhiều lần lột xác nó biến thành con trưởng thành.
- d/ Trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua nhiều lần lột xác nó biến thành con trưởng thành.

Câu 414: Những động vật sinh trưởng và phát triển thông qua biến thái không hoàn toàn là:

- a/ Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua.
- b/ Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.
- c/ Châu chấu, ếch, muỗi.
- d/ Cá chép, gà, thỏ, khỉ.

Câu 415: Ostrôgen được sinh ra ở:

- a/ Tuyến giáp.
- b. Buồng trứng.
- c/ Tuyến yên.
- d/ Tinh hoàn.

Câu 416: Ostrôgen có vai trò:

- a/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.
- b/ Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- c/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.
- d/ Kích thích chuyển hoá ở tế bào sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.

Câu 417: Hoocmôn sinh trưởng (GH) được sản sinh ra ở:

- a/ Tinh hoàn.
- b/ Tuyến giáp.
- c/ Tuyến yên.
- d. Buồng trứng.

Câu 418: Tirôxin được sản sinh ra ở:

- a/ Tuyến giáp.
- b/ Tuyến yên.
- c/ Tinh hoàn.
- d. Buồng trứng.

Câu 419: Tirôxin có tác dụng:

- a/ Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- b/ Kích thích chuyển hoá ở tế bào sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.
- c/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.
- d/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

Câu 420 Phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn là kiểu phát triển mà con non có :

- a. **đặc điểm hình thái, sinh lí rất khác với con trưởng thành.**
- b. đặc điểm hình thái, cấu tạo tương tự với con trưởng thành, nhưng khác về sinh lý.
- c. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý tương tự với con trưởng thành.
- d. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành.

Câu 421: Hoocmôn sinh trưởng có vai trò:

- a/ Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- b/ Kích thích chuyển hoá ở tế bào và sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.
- c/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.
- d/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

Câu 422: Phát triển của cơ thể động vật bao gồm:

- a/ Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.
- b/ Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng và phân hoá tế bào.
- c/ Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng, phân hoá tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.
- d/ Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là phân hoá tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.

Câu 423: Testostêrôn có vai trò:

- a/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.
- b/ Kích thích chuyển hoá ở tế bào và sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.
- c/ Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- d/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

Câu 424: Thời kì mang thai không có trứng chín và rụng là vì:

a/ Khi nhau thai được hình thành, thể vàng tiết ra hoocmôn Prôgestêron ức chế sự tiết ra FSH và LH của tuyến yên.

b/ Khi nhau thai được hình thành sẽ tiết ra hoocmôn kích dục nhau thai (HCG) duy trì thể vàng tiết ra hoocmôn Prôgestêron ức chế sự tiết ra FSH và LH của tuyến yên.

c/ Khi nhau thai được hình thành sẽ tiết ra hoocmôn kích dục nhau thai ức chế sự tiết ra FSH và LH của tuyến yên.

d/ Khi nhau thai được hình thành sẽ duy trì thể vàng tiết ra hoocmôn Prôgestêron ức chế sự tiết ra FSH và LH của tuyến yên.

Câu 425: Thời gian rụng trứng trung bình vào ngày thứ mấy trong chu kì kinh nguyệt ở người?

a/ Ngày thứ 25.

b/ Ngày thứ 13.

c/ Ngày thứ 12.

d/ Ngày thứ 14.

Câu 426: Vì sao đối với động vật hằng nhiệt khi đến mùa rét thì sự sinh trưởng và phát triển bị ảnh hưởng?

a/ Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá, sinh sản giảm.

b/ Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể tăng tạo nhiều năng lượng để chống rét.

c/ Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm làm hạn chế tiêu thụ năng lượng.

d/ Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản tăng.

Câu 427: Hậu quả đối với trẻ em khi thiếu tirôxin là:

a/ Các đặc điểm sinh dục phụ nam kém phát triển.

b/ Các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển.

c/ Người nhỏ bé hoặc khổng lồ.

d/ Chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.

Câu 428: Thể vàng sản sinh ra hoocmôn:

a/ FSH.

b/ LH.

c/ HCG.

d/ Prôgestêron.

Câu 429: Các biện pháp ngăn cản tinh trùng gặp trứng là:

a/ Dùng bao cao su, thắt ống dẫn tinh, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng, uống viên tránh thai.

b/ Dùng bao cao su, thắt ống dẫn trứng, xuất tinh ngoài, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng.

c/ Dùng bao cao su, thắt ống dẫn tinh, xuất tinh ngoài, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng.

d/ Dùng bao cao su, thắt ống dẫn tinh, đặt vòng tránh thai, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng.

Câu 430: Các nhân tố môi trường có ảnh hưởng rõ nhất vào giai đoạn nào trong quá trình phát sinh cá thể người?

Câu 437: Ý nào không đúng với vai trò của thức ăn đối với sự sinh trưởng và phát triển của động vật?

- a/ Làm tăng khả năng thích ứng với mọi điều kiện sống bất lợi của môi trường.
- b/ Gia tăng phân bào tạo nên các mô, các cơ quan, hệ cơ quan.
- c/ Cung cấp nguyên liệu để tổng hợp các chất hữu cơ.
- d/ Cung cấp năng lượng cho mọi hoạt động sống của cơ thể.

Câu 438: Ecdixon có tác dụng:

- a/ Gây ức chế sự lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- b/ Gây ức chế sự lột xác của sâu bướm, kìm hãm sâu biến thành nhộng và bướm.
- c/ Gây lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- d/ Gây lột xác của sâu bướm, ức chế sâu biến thành nhộng và bướm.

Câu 439: Sự phối hợp của các loại hoocmôn nào có tác dụng kích thích phát triển nang trứng và gây rụng trứng?

- a/ Hoocmôn kích thích nang trứng (FSH), Prôgestêron và hoocmôn Ôstrôgen.
- b/ Prôgestêron, hoocmôn tạo thể vàng (LH) và hoocmôn Ôstrôgen.
- c/ Hoocmôn kích thích nang trứng (FSH), hoocmôn tạo thể vàng (LH) và hoocmôn Ôstrôgen.
- d/ Hoocmôn kích thích nang trứng (FSH), hoocmôn tạo thể vàng (LH) và Prôgestêron.

Câu 440: Juvenin có tác dụng:

- a/ Gây lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- b/ Gây lột xác của sâu bướm, ức chế sâu biến thành nhộng và bướm.
- c/ Ức chế sự lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- d/ Ức chế sự lột xác của sâu bướm, kìm hãm sâu biến thành nhộng và bướm.

Chương III: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN.

A -SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT.

Câu 361: a/ Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

Câu 362: b/ Diễn ra hoạt động của tầng sinh bần.

Câu 363: c/ Gỗ nằm phía trong còn mạch rây nằm phía ngoài tầng sinh mạch.

Câu 364: c/ Mô phân sinh bên có ở thân cây hai lá mầm, còn mô phân sinh lóng có ở thân cây một lá mầm.

Câu 365: c/ Cả hai đều nằm phía trong tầng sinh mạch, trong đó gỗ thứ cấp nằm phía ngoài còn gỗ sơ cấp nằm phía trong.

Câu 366b/ Ở thân.

Câu 367: b/ Cả hai đều nằm phía ngoài tầng sinh mạch, trong đó mạch thứ cấp nằm phía trong còn mạch sơ cấp nằm phía ngoài.

Câu 368: b/ Biểu bì → Vỏ → Mạch rây sơ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

Câu 369: a/ Sự sinh trưởng của thân và rễ theo chiều dài do hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

Câu 370: b/ Diễn ra chủ yếu ở cây một lá mầm và hạn chế ở cây hai lá mầm.

Câu 371: b/ Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh bên của cây thân gỗ hoạt động tạo ra.

Câu 372 b/ Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

Câu 373a/ Làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.

Câu 374: c/ Tế bào đang phân chia ở rễ, hạt, quả.

Câu 375: a/ Đỉnh của thân và cành.

Câu 376: d/ Thúc quả chóng chín, rụng lá, rụng quả.

Câu 377: c/ Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây, tạo quả không hạt.

Câu 378: c/ Lá, rễ.

Câu 379: c/ Kìm hãm sự sinh trưởng của cành, lóng, gây trạng thái ngủ của chồi, của hạt, làm khí khổng đóng.

Câu 380: a/ Những chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra có tác dụng điều tiết hoạt động của cây.

Câu 381: b/ Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và phát triển chồi bên, làm chậm sự hoá già của tế bào.

Câu 382: d/ Trong hạt khô, GA rất thấp, AAB đạt trị số cực đại. Trong hạt nảy mầm GA tăng nhanh, đạt trị số cực đại còn AAB giảm xuống rất mạnh.

Câu 383: b/ Không có enzym phân giải nên tích lũy trong nông phẩm sẽ gây độc hại đối với người và gia súc.

Câu 384: d/ Etylen, Axit absixic.

Câu 385: c/ Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra rễ phụ.

Câu 386: a/ Tính chuyển hoá cao hơn nhiều so với hoocmôn ở động vật bậc cao.

Câu 387: d/ Cơ quan đang hoá già.

Câu 388a/ Auxin, Gibêrelin, xitôkinin.

Câu 389: b/ Hầu hết các phần khác nhau của cây, đặc biệt trong thời gian rụng lá, hoa già, quả đang chín.

Câu 390: c/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng ít hơn 12 giờ.

Câu 391: a/ Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.

Câu 392: b/ Làm cho hạt nảy mầm, hoa nở, khí khổng mở.

Câu 393: c/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 12 giờ.

Câu 394: c/ Cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.

Câu 395: a/ Tương quan độ dài ban ngày và ban đêm.

Câu 396: a/ Lá thứ 14.

Câu 397: b/ Lá.

Câu 398: a/ Sắc tố cảm nhận quang chu kỳ và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin và chứa các hạt cần ánh sáng để nảy mầm.

Câu 399: c/ Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kỳ sống của cá thể biểu hiện ở ba quá trình liên quan với nhau là sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

Câu 400a/ Hai dạng chuyển hoá lẫn nhau dưới sự tác động của ánh sáng.

Câu 401: a/ Dạng hấp thụ ánh sáng đỏ (P_d) có bước sóng 660nm và dạng hấp thụ ánh sáng đỏ xa ($P_{đx}$) có bước sóng 730nm.

Câu 402: b/ Số lá.

Câu 403: b/ Cây ra hoa ở cả ngày dài và ngày ngắn.

Câu 404: c/ Hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.

B - SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT.

Câu 405: b/ Quá trình tăng kích thước của cơ thể do tăng kích thước và số lượng của tế bào.

Câu 406: c/ Tinh hoàn.

Câu 407 b/ Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.

Câu 408: c/ Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

Câu 409a/ Trường hợp con non có đặc điểm hình thái, cấu tạo tương tự với con trưởng thành nhưng khác về sinh lý.

Câu 410: c/ Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua.

Câu 411: c/ Người bé nhỏ hoặc khổng lồ.

Câu 412: a/ Nhân tố di truyền.

Câu 413: d/ Trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua nhiều lần lột xác nó biến thành con trưởng thành.

Câu 414: d/ Cá chép, gà, thỏ, khỉ.

Câu 415: b. Buồng trứng.

Câu 416: c/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

Câu 417: c/ Tuyến yên.

Câu 418: a/ Tuyến giáp.

Câu 419: b/ Kích thích chuyển hoá ở tế bào sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.

Câu 420: a/ Trường hợp ấu trùng có đặc điểm hình thái, sinh lí rất khác với con trưởng thành.

Câu 421: a/ Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.

Câu 422c/ Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng, phân hoá tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.

Câu 423: a/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.

Câu 424: b/ Khi nhau thai được hình thành sẽ tiết ra hoocmôn kích dục nhau thai (HCG) duy trì thể vàng tiết ra hoocmôn Prôgestêron ức chế sự tiết ra FSH và LH của tuyến yên.

Câu 425: d/ Ngày thứ 14.

Câu 426: d/ Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản tăng.

Câu 427: d/ Chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.

Câu 428: d/ Prôgestêron.

Câu 438: c/ Dùng bao cao su, thắt ống dẫn tinh, xuất tinh ngoài, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng.

Câu 429: a/ Giai đoạn phôi thai.

Câu 430: a/ Hoocmôn kích thích trứng, hoocmôn tạo thể vàng.

Câu 431: d/ 28 ngày.

Câu 432: d/ Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể tăng, sinh sản giảm.

Câu 433: a/ Prôgestêron và Ôstrôgen.

Câu 434: b/ Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá Ca để hình thành xương.

Câu 435c/ HCG.

Câu 436: a/ Làm tăng khả năng thích ứng với mọi điều kiện sống bất lợi của môi trường.

Câu 437: c/ Gây lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.

Câu 438: c/ Hoocmôn kích thích nang trứng (FSH), hoocmôn tạo thể vàng (LH) và hoocmôn Ôstrôgen.

Câu 439: b/ Gây lột xác của sâu bướm, ức chế sâu biến thành nhộng và bướm.

Chương IV: SINH SẢN

A - SINH SẢN Ở THỰC VẬT.

Câu 441: Sự hình thành giao tử đực ở cây có hoa diễn ra như thế nào?

a/ Tế bào mẹ giảm phân cho 4 tiểu bào tử → 1 tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 1 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn → Tế bào sinh sản giảm phân tạo 4 giao tử đực.

b/ Tế bào mẹ nguyên phân hai lần cho 4 tiểu bào tử → 1 tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 1 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn → Tế bào sinh sản nguyên phân 1 lần tạo 2 giao tử đực.

c/ Tế bào mẹ giảm phân cho 4 tiểu bào tử → 1 tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 2 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn → Tế bào sinh sản nguyên phân 1 lần tạo 2 giao tử đực.

d/ Tế bào mẹ giảm phân cho 4 tiểu bào tử → Mỗi tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 1 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn → Tế bào sinh sản nguyên phân một lần tạo 2 giao tử đực.

Câu 442: Sinh sản bào tử có ở những ngành thực vật nào?

a/ Rêu, hạt trần.

b/ Rêu, quyết.

c/ Quyết, hạt kín.

d/ Quyết, hạt trần.

Câu 443: Đa số cây ăn quả được trồng trọt mở rộng bằng:

a/ Gieo từ hạt.

b/ Ghép cành.

c/ Giâm cành.

d/ Chiết cành.

Câu 444: Sinh sản vô tính là:

a/ Tạo ra cây con giống cây mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

b/ Tạo ra cây con giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

c/ Tạo ra cây con giống bố mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

d/ Tạo ra cây con mang những tính trạng giống và khác cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

Câu 445: Những cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành là vì:

a/ Dễ trồng và ít công chăm sóc.

b/ Dễ nhân giống nhanh và nhiều.

c/ để tránh sâu bệnh gây hại.

d/ Rút ngắn thời gian sinh trưởng, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả.

Câu 446: Trong thiên nhiên cây tre sinh sản bằng:

a/ Rễ phụ. b/ Lóng. c/ Thân rễ. d/ Thân bò.

Câu 447: Sinh sản bào tử là:

a/ Tạo ra thế hệ mới từ bào tử được phát sinh ở những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và giao tử thể.

b/ Tạo ra thế hệ mới từ bào tử được phát sinh do nguyên phân ở những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và giao tử thể.

c/ Tạo ra thế hệ mới từ bào tử được phát sinh do giảm phân ở pha giao tử thể của những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và thể giao tử.

d/ Tạo ra thế hệ mới từ hợp tử được phát sinh ở những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và giao tử thể.

Câu 448: Đặc điểm của bào tử là:

a/ Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây đơn bội.

b/ Mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội và hình thành cây lưỡng bội.

c/ Mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội và hình thành cây đơn bội.

d/ Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây lưỡng bội.

Câu 449: Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật?

a/ Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.

b/ Tạo được nhiều biể dị làm nguyên liệu cho quá trình chọn giống và tiến hoá.

c/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

d/ Là hình thức sinh sản phổ biến.

Câu 450: Sinh sản hữu tính ở thực vật là:

a/ Sự kết hợp có chọn lọc của hai giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

b/ Sự kết hợp ngẫu nhiên giữa hai giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

c/ Sự kết hợp có chọn lọc của giao tử cái và nhiều giao tử đực tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

d/ Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

Câu 451: Cần phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép là vì:

a/ Để tránh gió, mưa làm lay cành ghép.

b/ Để tập trung nước nuôi các cành ghép.

c/ Để tiết kiệm nguồn chất dinh dưỡng cung cấp cho lá.

d/ Loại bỏ sâu bệnh trên lá cây.

Câu 452: Ý nào không đúng với ưu điểm của phương pháp nuôi cấy mô?

a/ Phục chế những cây quý, hạ giá thành cây con nhờ giảm mặt bằng sản xuất.

b/ Nhân nhanh với số lượng lớn cây giống và sạch bệnh.

c/ Duy trì những tính trạng mong muốn về mặt di truyền.

d/ Dễ tạo ra nhiều biến dị di truyền tạo nguồn nguyên liệu cho chọn giống.

Câu 453: Đặc điểm của bào tử là:

a/ Tạo được nhiều cá thể của một thế hệ, được phát tán chỉ nhờ nước, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.

b/ Tạo được ít cá thể của một thế hệ, được phát tán nhờ gió, nước, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.

c/ Tạo được nhiều cá thể của một thế hệ, được phát tán chỉ nhờ gió, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.

d/ Tạo được nhiều cá thể của một thế hệ, được phát tán nhờ gió, nước, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.

Câu 454: Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật?

a/ Có khả năng thích nghi với điều kiện môi trường biến đổi.

b/ Tạo ra nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho chọn giống và tiến hoá.

c/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

d/ Là hình thức sinh sản phổ biến.

Câu 455: Ý nào không đúng với ưu điểm của phương pháp nuôi cấy mô?

a/ Phục chế giống cây quý, hạ giá thành cây con nhờ giảm mặt bằng sản xuất.

b/ Nhân nhanh với số lượng lớn cây giống và sạch bệnh.

c/ Duy trì những tính trạng mong muốn về mặt di truyền.

d/ Dễ tạo ra nhiều biến dị di truyền cung cấp cho chọn giống.

Câu 456: Sinh sản sinh dưỡng là:

a/ Tạo ra cây mới từ một phần của cơ quan sinh dưỡng ở cây.

b/ Tạo ra cây mới chỉ từ rễ của cây.

c/ Tạo ra cây mới chỉ từ một phần thân của cây.

d/ Tạo ra cây mới chỉ từ lá của cây.

Câu 457: Thụ tinh ở thực vật có hoa là:

- a/ Sự kết hợp hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.
- b/ Sự kết nhân của hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.
- c/ Sự kết hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử.
- d/ Sự kết hợp của hai tinh tử với trứng trong túi phôi.

Câu 458: Trong quá trình hình thành giao tử đực ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào?

- a/ 1 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.
- b/ 2 lần giảm phân, 1 lần nguyên phân.
- c/ 1 lần giảm phân, 1 lần nguyên phân.
- d/ 2 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.

Câu 459: Bộ nhiễm sắc thể có mặt trong sự hình thành túi phôi ở thực vật có hoa như thế nào?

- a/ Tế bào mẹ, đại bào tử mang $2n$; tế bào đối cực, tế bào kèm, tế bào trứng, nhân cực đều mang n .
- b/ Tế bào mẹ, đại bào tử mang, tế bào đối cực đều mang $2n$; tế bào kèm, tế bào trứng, nhân cực đều mang n .
- c/ Tế bào mẹ mang $2n$; đại bào tử, tế bào đối cực, tế bào kèm, tế bào trứng, nhân cực đều mang n .
- d/ Tế bào mẹ, đại bào tử, tế bào đối cực, tế bào kèm đều mang $2n$; tế bào trứng, nhân cực đều mang n .

Câu 460: Sự hình thành túi phôi ở thực vật có hoa diễn ra như thế nào?

- a/ Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử → 1 đại bào tử sống sót nguyên phân cho túi phôi chứa 3 tế bào đối cực, 3 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 1 nhân cực.
- b/ Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử → mỗi đại bào tử nguyên phân cho túi phôi chứa 3 tế bào đối cực, 2 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 2 nhân cực.
- c/ Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử → 1 đại bào tử sống sót nguyên phân cho túi phôi chứa 2 tế bào đối cực, 3 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 2 nhân cực.
- d/ Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử → 1 đại bào tử sống sót nguyên phân cho túi phôi chứa 3 tế bào đối cực, 3 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 2 nhân cực.

Câu 461: Trong quá trình hình thành túi phôi ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào?

- a/ 1 lần giảm phân, 1 lần nguyên phân.
- b/ 1 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.
- c/ 1 lần giảm phân, 3 lần nguyên phân.

d/ 1 lần giảm phân, 4 lần nguyên phân.

Câu 462: Tự thụ phấn là:

- a/ Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài.
- b/ Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng một hoa hay khác hoa cùng một cây.
- c/ Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với cây khác loài.
- d/ Sự kết hợp của tinh tử của cây này với trứng của cây khác.

Câu 463: Ý nào không đúng khi nói về quả?

- a/ Quả là do bầu nhụy dày sinh trưởng lên chuyển hoá thành.
- b/ Quả không hạt đều là quả đơn tính.
- c/ Quả có vai trò bảo vệ hạt.
- d/ Quả có thể là phương tiện phát tán hạt.

Câu 464: Thụ tinh kép ở thực vật có hoa là:

- a/ Sự kết hợp của nhân hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.
- b/ Sự kết hợp của hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử và nhân nội nhũ.
- c/ Sự kết hợp của hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.
- d/ Sự kết hợp của hai tinh tử với trứng ở trong túi phôi.

Câu 465: Thụ phấn chéo là:

- a/ Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác loài.
- b/ Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng một hoa hay khác hoa của cùng một cây.
- c/ Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài.
- d/ Sự kết hợp giữa tinh tử và trứng của cùng hoa.

Câu 466: Ý nào không đúng khi nói về hạt?

- a/ Hạt là noãn đã được thụ tinh phát triển thành.
- b/ Hợp tử trong hạt phát triển thành phôi.
- c/ Tế bào tam bội trong hạt phát triển thành nội nhũ.
- d/ Mọi hạt của thực vật có hoa đều có nội nhũ.

Câu 467: Bản chất của sự thụ tinh kép ở thực vật có hoa là:

a/ Sự kết hợp của nhân hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.

b/ Sự kết hợp của hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử và nhân nội nhũ.

c/ Sự kết hợp của hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.

d/ Sự kết hợp của hai tinh tử với trứng ở trong túi phôi.

Câu 468: Bộ nhiễm sắc thể ở tế bào có mặt trong sự hình thành giao tử đực ở thực vật có hoa như thế nào?

a/ Tế bào mẹ $2n$; các tiểu bào tử, tế bào sinh sản, tế bào ống phấn, các giao tử đều mang n .

b/ Tế bào mẹ, các tiểu bào tử, tế bào sinh sản, tế bào ống phấn đều mang $2n$, các giao tử mang n .

c/ Tế bào mẹ, các tiểu bào tử $2n$; tế bào sinh sản, tế bào ống phấn, các giao tử đều mang n .

d/ Tế bào mẹ, các tiểu bào tử, tế bào sinh sản $2n$; tế bào ống phấn, các giao tử đều mang n .

Câu 469: Bộ nhiễm sắc thể của các nhân ở trong quá trình thụ tinh của thực vật có hoa như thế nào?

a/ Nhân của giao tử n , của nhân cực $2n$, của trứng là n , của hợp tử $2n$, của nội nhũ $2n$.

b/ Nhân của giao tử n , của nhân cực $2n$, của trứng là n , của hợp tử $2n$, của nội nhũ $4n$.

c/ Nhân của giao tử n , của nhân cực n , của trứng là n , của hợp tử $2n$, của nội nhũ $3n$.

d/ Nhân của giao tử n , của nhân cực $2n$, của trứng là n , của hợp tử $2n$, của nội nhũ $3n$.

Câu 470: Thụ phấn là:

a/ Sự kéo dài ống phấn trong vòi nhụy.

b/ Sự di chuyển của tinh tử trên ống phấn.

c/ Sự nảy mầm của hạt phấn trên núm nhụy

d/ Sự rơi hạt phấn vào núm nhụy và nảy mầm.

B - SINH SẢN Ở ĐỘNG VẬT

Câu 471: Đặc điểm nào không đúng với sinh sản vô tính ở động vật?

a/ Cá thể có thể sống độc lập, đơn lẻ vẫn sinh sản bình thường.

b/ Đảm bảo sự ổn định về mặt di truyền qua các thế hệ cơ thể.

c/ Tạo ra số lượng lớn con cháu trong thời gian ngắn.

d/ Có khả năng thích nghi cao với sự thay đổi của điều kiện môi trường.

Câu 472: Điều nào không đúng khi nói về hình thức thụ tinh ở động vật?

a/ Thụ tinh ngoài là sự kết hợp giữa hai giao tử đực và cái diễn ra bên ngoài cơ thể con cái.

b/ Thụ tinh ngoài là sự kết hợp giữa hai giao tử đực và cái diễn ra bên trong cơ thể con cái.

c/ Thụ tinh trong làm tăng tỷ lệ sống sót của con non.

d/ Thụ tinh ngoài làm tăng hiệu quả thụ tinh.

Câu 473: Sinh sản vô tính ở động vật là:

a/ Một cá thể sinh ra một hay nhiều cá thể giống và khác mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

b/ Một cá thể luôn sinh ra nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

c/ Một cá thể sinh ra một hay nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

d/ Một cá thể luôn sinh ra chỉ một cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

Câu 474: Sinh sản vô tính ở động vật dựa trên những hình thức phân bào nào?

a/ Trực phân và giảm phân. b/ Giảm phân và nguyên phân.

c/ Trực phân và nguyên phân.

d/ Trực phân, giảm phân và nguyên phân.

Câu 475: Các hình thức sinh sản nào chỉ có ở động vật không xương sống?

a/ Phân mảnh, nảy chồi. b/ Phân đôi, nảy chồi.

c/ Trinh sinh, phân mảnh. d/ Nảy chồi, phân mảnh.

Câu 476: Sinh sản hữu tính ở động vật là:

a/ Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

b/ Sự kết hợp ngẫu nhiên của hai giao tử đực và cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

c/ Sự kết hợp có chọn lọc của hai giao tử đực và một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

d/ Sự kết hợp có chọn lọc của giao tử cái với nhiều giao tử đực và một tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

Câu 477: Nguyên tắc của nhân bản vô tính là:

a/ Chuyển nhân của tế bào xô ma (n) vào một tế bào trứng đã lấy mất nhân, rồi kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.

b/ Chuyển nhân của tế bào xô ma (2n) vào một tế bào trứng đã lấy mất nhân, rồi kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.

c/ Chuyển nhân của tế bào xô ma (2n) vào một tế bào trứng, rồi kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.

d/ Chuyển nhân của tế bào trứng vào tế bào xô ma, kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.

Câu 478: Hạn chế của sinh sản vô tính là:

a/ Tạo ra các thế hệ con cháu không đồng nhất về mặt di truyền, nên thích nghi khác nhau trước điều kiện môi trường thay đổi.

b/ Tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng đồng nhất trước điều kiện môi trường thay đổi.

c/ Tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng kém trước điều kiện môi trường thay đổi.

d/ Tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng chậm chạp trước điều kiện môi trường thay đổi.

Câu 479: Hướng tiến hoá về sinh sản của động vật là:

a/ Từ vô tính đến hữu tính, từ thụ tinh ngoài đến thụ tinh trong, từ đẻ trứng đến đẻ con.

b/ Từ hữu tính đến vô tính, từ thụ tinh ngoài đến thụ tinh trong, từ đẻ trứng đến đẻ con.

c/ Từ vô tính đến hữu tính, từ thụ tinh trong đến thụ tinh ngoài, từ đẻ trứng đến đẻ con.

d/ Từ vô tính đến hữu tính, thụ tinh trong đến thụ tinh ngoài, từ đẻ con đến đẻ trứng.

Câu 480: Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở động vật?

a/ Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho quá trình tiến hoá và chọn giống.

b/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

c/ Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.

d/ Là hình thức sinh sản phổ biến.

Câu 481: Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật diễn ra đơn giản nhất?

a/ Nảy chồi. b/ Trinh sinh. c/ Phân mảnh. d/ Phân đôi.

Câu 482: Hình thức sinh sản vô tính nào có ở động vật không xương sống và có xương sống?

a/ Phân đôi. b/ Nảy chồi. c/ Trinh sinh. d/ Phân mảnh.

Câu 483: Bản chất của quá trình thụ tinh ở động vật là:

a/ Sự kết hợp của hai giao tử đực và cái.

b/ Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái.

c/ Sự kết hợp các nhân của nhiều giao tử đực với một nhân của giao tử cái.

d/ Sự kết hợp hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội (n) của hai giao tử đực và cái tạo thành bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội (2n) ở hợp tử.

Câu 484: Điều nào không đúng khi nói về thụ tinh ở động vật?

a/ Tự phối (tự thụ tinh) là sự kết hợp giữa 2 giao tử đực và cái cùng được phát sinh từ một cơ thể lưỡng tính.

b/ Các động vật lưỡng tính chỉ có hình thức tự thụ tinh.

c/ Giao phối (thụ tinh chéo) là sự kết hợp giữa hai giao tử đực và cái được phát sinh từ hai cơ thể khác nhau.

d/ Một số dạng động vật lưỡng tính vẫn xảy ra thụ tinh chéo.

Câu 485: Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật sinh ra được nhiều cá thể nhất từ một cá thể mẹ?

a/ Nảy chồi. b/ Phân đôi. c/ Trinh sinh. d/ Phân mảnh.

Câu 486: Ý nào không phải là sinh sản vô tính ở động vật đa bào?

a/ Trứng không thụ tinh (trinh sinh) phát triển thành cơ thể.

b/ Bào tử phát triển thành cơ thể mới.

c/ Mảnh vụn từ cơ thể phát triển thành cơ thể mới.

d/ Chồi con sau khi được hình thành trên cơ thể mẹ sẽ được tách ra thành cơ thể mới.

Câu 487: Điều nào không đúng khi nói về sinh sản của động vật?

a/ Động vật đơn tính chỉ sinh ra một loại giao tử đực hoặc cái.

b/ Động vật đơn tính hay lưỡng tính chỉ có hình thức sinh sản hữu tính.

c/ Động vật lưỡng tính sinh ra cả hai loại giao tử đực và cái.

d/ Có động vật có cả hai hình thức sinh sản vô tính và hữu tính.

Câu 488: Hình thức sinh sản vô tính nào có cả ở động vật đơn bào và đa bào?

a/ Trinh sinh. b/ Phân mảnh. c/ Phân đôi. d/ Nảy chồi.

Câu 489 Tuyến yên tiết ra những chất nào?

a/ FSH, testôstêron.

b/ LH, FSH

c/ Testôstêron, LH.

d/ Testôstêron, GnRH.

Câu 490 LH có vai trò:

a/ Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

b/ Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra testôstêron

c/ Kích thích phát triển ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

a/ Thế hệ sau có sự tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

b/ Thế hệ sau có sự đồng nhất về mặt di truyền tạo ra khả năng thích nghi đồng loạt trước sự thay đổi của điều kiện môi trường.

c/ Thế hệ sau có sự tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp có hại và tăng cường khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

d/ Thế hệ sau có sự tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp có lợi thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

Câu 498:Thể vàng tiết ra những chất nào?

a/ Prôgestêron và Ostrôgen.

b/ FSH, Ostrôgen.

c/ LH, FSH.

d/ Prôgestêron, GnRH

Câu 499: FSH có vai trò:

a/ Kích thích phát triển nang trứng.

b/ Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.

c/ Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.

d/ Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

Câu 500: Thụ tinh trong tiến hoá hơn thụ tinh ngoài là vì?

a/ Không nhất thiết phải cần môi trường nước.

b/ Không chịu ảnh hưởng của các tác nhân môi trường.

c/ Đỡ tiêu tốn năng lượng.

d/ Cho hiệu suất thụ tinh cao.

Câu 501: Khi nồng độ testôstêron trong máu cao có tác dụng:

a/ Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH.

b/ Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm làm hai bộ phận này không tiết GnRH, FSH và LH.

c/ Kích thích tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.

d/ Gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.

Câu 502: GnRH có vai trò:

a/ Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.

b/ Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra testôstêron.

c/ Kích thích tuyến yên sản sinh LH và FSH.

d/ Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

Câu 503: Testôstêron có vai trò:

- a/ Kích thích tuyến yên sản sinh LH.
- b/ Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra FSH.
- c/ Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.
- d/ Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

Câu 504: Tế bào kẽ tiết ra chất nào?

- a/ LH.
- b/ FSH.
- c/ Testôstêron.
- d/ GnRH.

Câu 505: Prôgestêron và Ôstrôgen có vai trò:

- a/ Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.
- b/ Kích thích phát triển nang trứng.
- c/ Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.
- d/ Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.

Câu 506: Những yếu tố nào sau đây gây rối loạn quá trình sinh trứng và làm giảm khả năng sinh tinh trùng?

- a/ Căng thẳng thần kinh (Stress), sợ hãi, lo âu, buồn phiền kéo dài và nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy.
- b/ Căng thẳng thần kinh (Stress), sợ hãi, lo âu, buồn phiền kéo dài và thiếu ăn, suy dinh dưỡng.
- c/ Căng thẳng thần kinh (Stress), sợ hãi, lo âu, buồn phiền kéo dài và chế độ ăn không hợp lý gây rối loạn trao đổi chất của cơ thể.
- d/ Chế độ ăn không hợp lý gây rối loạn trao đổi chất của cơ thể nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy.

Câu 507: Biện pháp cho thụ tinh nhân tạo đạt sinh sản cao và dễ đạt được mục đích chọn lọc những đặc điểm mong muốn ở con đực giống?

- a/ Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.
- b/ Thụ tinh nhân tạo bên trong cơ thể.
- c/ Nuôi cấy phôi.
- d/ Thụ tinh nhân tạo bên ngoài cơ thể.

Câu 508: Khi nồng độ Prôgestêron và ostrôgen trong máu tăng cao có tác dụng:

- a/ Gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.
- b/ Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH.
- c/ Kích thích tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.
- d/ Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm hai bộ phận này không tiết GnRH, FSH và LH.

Câu 509: Thụ tinh nhân tạo được thực hiện theo biện pháp nào?

- a/ Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.
- b/ Thay đổi yếu tố môi trường.
- c/ Nuôi cấy phôi.
- d/ Thụ tinh nhân tạo.

Câu 510: GnRH có vai trò:

- a/ Kích thích phát triển nang trứng.
- b/ Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.
- c/ Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.
- d/ Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

Câu 511: Điều hoà ngược âm tính diễn ra trong quá trình trình sinh trứng khi:

- a/ Nồng độ GnRH giảm.
- b. Nồng độ FSH và LH cao.
- c/ Nồng độ Prôgestêrôn và oestrôgen giảm.
- d/ Nồng độ Prôgestêrôn và oestrôgen cao.

Câu 512: Biện pháp nào có tính phổ biến và hiệu quả trong việc điều khiển tỷ lệ đực cái?

- a/ Phân lập các loại giao tử mang nhiễm sắc thể X và nhiễm sắc thể Y rồi sau đó mới cho thụ tinh.
- b/ Dùng các nhân tố môi trường ngoài tác động.
- c/ Dùng các nhân tố môi trường trong tác động.
- d/ Thay đổi cặp nhiễm sắc thể giới tính ở hợp tử.

Câu 513: Những biện pháp nào thúc đẩy trứng chín nhanh và rụng hàng loạt?

- a/ Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp, thay đổi yếu tố môi trường.
- b/ Nuôi cấy phôi, thụ tinh nhân tạo.
- c/ Nuôi cấy phôi, thay đổi các yếu tố môi trường.
- d/ Nuôi cấy phôi, sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

Câu 514: Tỷ lệ đực cái ở động vật bậc cao xấp xỉ tỷ lệ 1:1 phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố nào?

- a/ Cơ chế xác định giới tính.
- b/ Ảnh hưởng của môi trường trong cơ thể.
- c/ Ảnh hưởng của môi trường ngoài cơ thể.
- d/ Ảnh hưởng của tập tính giao phối.

Câu 515: Tại sao cấm xác định giới tính ở thai nhi người?

- a/ Vì sợ ảnh hưởng đến tâm lí của người mẹ.
- b/ Vì tâm lí của người thân muốn biết trước con trai hay con gái.
- c/ Vì sợ ảnh hưởng đến sự phát triển của thai nhi.
- d/ Vì định kiến trọng nam khinh nữ, dẫn đến hành vi làm thay đổi tỷ lệ trai và gái.

Câu 516: Cơ sở khoa học của uống thuốc tránh thai là:

- a/ Làm tăng nồng độ Prôgestêrôn và ostrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.
- b/ Làm tăng nồng độ Prôgestêrôn và ostrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.
- c/ Làm tăng nồng độ Prôgestêrôn và ostrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.
- c/ Làm giảm nồng độ Prôgestêrôn và ostrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.
- d/ Làm giảm nồng độ Prôgestêrôn và ostrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

Câu 517: Thụ tinh nhân tạo được sử dụng trong các biện pháp nào?

- a/ Nuôi cấy phôi, thay đổi các yếu tố môi trường.
- b/ Thụ tinh nhân tạo, nuôi cấy phôi, sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.
- c/ Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp, thay đổi các yếu tố môi trường.
- d/ Thay đổi các yếu tố môi trường, nuôi cấy phôi, thụ tinh nhân tạo.

Câu 518: Biện pháp nào làm tăng hiệu quả thụ tinh nhất?

- a/ Thay đổi các yếu tố môi trường.
- b/ Thụ tinh nhân tạo.
- c/ Nuôi cấy phôi.
- d/ Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

Câu 519: Điều hoà ngược âm tính diễn ra trong quá trình sinh tinh trùng khi:

- a/ Nồng độ GnRH cao.
- b/ Nồng độ testôstêron cao.
- c/ Nồng độ testôstêron giảm.
- d/ Nồng độ FSH và LH giảm.

Câu 520: Ý nào không đúng với sinh đẻ có kế hoạch?

- a/ Điều chỉnh khoảng cách sinh con.

b/ Điều chỉnh sinh con trai hay con gái.

c/ Điều chỉnh thời điểm sinh con. d/ Điều chỉnh về số con.

Câu 521: Ý nào dưới đây không đúng với vai trò thoát hơi nước ở lá?

a/ Tạo ra một sức hút nước của rễ.

b/ Làm giảm nhiệt độ của bề mặt lá.

c/ Làm cho khí khổng mở và khí CO₂ sẽ đi từ không khí vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.

d. Làm cho khí khổng mở và khí O₂ sẽ thoát ra không khí.

Câu 522: Hô hấp sáng là quá trình hô hấp:

a/ Làm tăng sản phẩm quang hợp. b/ Xây ra trong bóng tối.

c/ Tạo ATP. d/ Xây ra ngoài ánh sáng.

Chương IV: SINH SẢN

A - SINH SẢN Ở THỰC VẬT.

Câu 440: d/ Tế bào mẹ giảm phân cho 4 tiểu bào tử → Mỗi tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 1 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn → Tế bào sinh sản nguyên phân một lần tạo 2 giao tử đực.

Câu 441: b/ Rêu, quyết.

Câu 442d/ Chiết cành.

Câu 443b/ Tạo ra cây con giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

Câu 444: d/ Rút ngắn thời gian sinh trưởng, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả.

Câu 445: c/ Thân rễ.

Câu 446: a/ Tạo ra thể hệ mới từ bào tử được phát sinh ở những thực vật có xen kẽ thể hệ thể bào tử và giao tử thể.

Câu 447: d/ Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây lưỡng bội.

Câu 448: c/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

Câu 449: b/ Sự kết hợp ngẫu nhiên giữa hai giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

Câu 450: b/ Để tập trung nước nuôi các cành ghép.

Câu 451: d/ Dễ tạo ra nhiều biến dị di truyền tạo nguồn nguyên liệu cho chọn giống.

Câu 452: c/ Tạo được nhiều cá thể của một thể hệ, được phát tán chỉ nhờ gió, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.

Câu 453: c/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

Câu 454: d/ Dễ tạo ra nhiều biến dị di truyền cung cấp cho chọn giống.

Câu 455: a/ Tạo ra cây mới từ một phần của cơ quan sinh dưỡng ở cây.

Câu 456: b/ Sự kết nhân của hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.

Câu 457a/ 1 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.

Câu 458: c/ Tế bào mẹ mang $2n$; đại bào tử, tế bào đối cực, tế bào kèm, tế bào trứng, nhân cực đều mang n .

Câu 459d/ Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử \rightarrow 1 đại bào tử sống sót nguyên phân cho túi phôi chứa 3 tế bào đối cực, 3 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 2 nhân cực.

Câu 460c/ 1 lần giảm phân, 3 lần nguyên phân.

Câu 461: b/ Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng một hoa hay khác hoa cùng một cây.

Câu 462b/ Quả không hạt đều là quả đơn tính.

Câu 463: b/ Sự kết hợp của hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử và nhân nội nhũ.

Câu 464c/ Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài.

Câu 465: d/ Mọi hạt của thực vật có hoa đều có nội nhũ.

Câu 466: c/ Sự kết hợp của hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.

Câu 467a/ Tế bào mẹ $2n$; các tiểu bào tử, tế bào sinh sản, tế bào ống phấn, các giao tử đều mang n .

Câu 468: d/ Nhân của giao tử n , của nhân cực $2n$, của trứng là n , của hợp tử $2n$, của nội nhũ $3n$.

Câu 469: d/ Sự rơi hạt phấn vào núm nhụy và nảy mầm.

B - SINH SẢN Ở ĐỘNG VẬT

Câu 470: d/ Có khả năng thích nghi cao với sự thay đổi của điều kiện môi trường.

Câu 471: d/ Thụ tinh ngoài làm tăng hiệu quả thụ tinh.

Câu 472: c/ Một cá thể sinh ra một hay nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

Câu 473: c/ Trục phân và nguyên phân.

Câu 474: a/ Phân mảnh, nảy chồi.

Câu 475: b/ Sự kết hợp ngẫu nhiên của hai giao tử đực và cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

Câu 476: b/ Chuyển nhân của tế bào xô ma ($2n$) vào một tế bào trứng đã lấy mất nhân, rồi kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.

Câu 477: c/ Tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng kém trước điều kiện môi trường thay đổi.

Câu 478: a/ Từ vô tính đến hữu tính, từ thụ tinh ngoài đến thụ tinh trong, từ đẻ trứng đến đẻ con.

Câu 479b/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

Câu 480: d/ Phân đôi.

Câu 481: c/ Trinh sinh.

Câu 482: d/ Sự kết hợp hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội (n) của hai giao tử đực và cái tạo thành bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội (2n) ở hợp tử.

Câu 483: b/ Các động vật lưỡng tính chỉ có hình thức tự thụ tinh.

Câu 484: c/ Trinh sinh.

Câu 485: b/ Bào tử phát triển thành cơ thể mới.

Câu 486: b/ Động vật đơn tính hay lưỡng tính chỉ có hình thức sinh sản hữu tính.

Câu 487: c/ Phân đôi.

Câu 488: b/ LH, FSH

Câu 489: b/ Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra testôstêrôn

Câu 490: d/ Hệ nội tiết.

Câu 491: a/ Ức chế tuyến yên sản xuất FSH.

Câu 492: c/ Inhibin.

Câu 493: b/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

Câu 494: a/ Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

Câu 495: b/ Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.

Câu 496: a/ Thế hệ sau có sự tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

Câu 497: a/ Prôgestêrôn và Ôstrôgen.

Câu 498: a/ Kích thích phát triển nang trứng.

Câu 499: d/ Cho hiệu suất thụ tinh cao.

Câu 500: a/ Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH.

Câu 501: c/ Kích thích tuyến yên sản sinh LH và FSH.

Câu 502: c/ Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.

Câu 503: c/ Testôstêron.

Câu 504: c/ Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

Câu 505: a/ Căng thẳng thần kinh (Stress), sợ hãi, lo âu, buồn phiền kéo dài và nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy.

Câu 506: b/ Thụ tinh nhân tạo bên trong cơ thể.

Câu 507: b/ Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH.

Câu 508: c/ Nuôi cấy phôi.

Câu 509: b/ Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.

Câu 510: d/ Nồng độ Prôgestêron và ostrôgen cao.

Câu 511: a/ Phân lập các loại giao tử mang nhiễm sắc thể X và nhiễm sắc thể Y rồi sau đó mới cho thụ tinh.

Câu 512: d/ Nuôi cấy phôi, sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

Câu 513: a/ Cơ chế xác định giới tính.

Câu 514: d/ Vì định kiến trọng nam khinh nữ, dẫn đến hành vi làm thay đổi tỷ lệ trai và gái.

Câu 515: a/ Làm tăng nồng độ Prôgestêron và ostrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

Câu 516: b/ Thụ tinh nhân tạo, nuôi cấy phôi, sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

Câu 517: b/ Thụ tinh nhân tạo.

Câu 518: b/ Nồng độ testôstêron cao.

Câu 519: b/ Điều chỉnh sinh con trai hay con gái.

Câu 520: d. Làm cho khí không mở và khí O₂ sẽ thoát ra không khí.

Câu 521: d/ Xảy ra ngoài ánh sáng.

MỘT SỐ ĐỀ THI THỬ

Đề 001

Câu 1: Hình thức sinh sản mà cơ thể mới được hình thành từ một bộ phận của thân lá, rễ là hình thức:

- A.** Sinh sản hữu tính **B.** Sinh sản sinh dưỡng **C.** Sinh sản phân đôi **D.** Sinh sản tái sinh

Câu 2: Điều nào sau đây **KHÔNG** đúng khi nói về sinh sản vô tính:

- A.** Giữ nguyên được tính trạng di truyền **B.** Rút ngắn rất nhiều thời gian phát triển của cây
C. Tạo ra thế hệ con chông chịu tốt hơn **D.** Có thể nhân nhanh giống cây trồng

Câu 3: Ở quả dưa, nước dưa là:

- A. Chất nguyên sinh
- B. Nước bình thường dự trữ trong quả
- C. Phôi nhũ để nuôi phôi
- D. Nước được vận chuyển từ rễ lên

Câu 4: Hạt được tạo thành từ:

- A. Phần còn lại của noãn sau khi thụ tinh
- B. Noãn sau khi được thụ tinh
- C. Bầu của nhụy
- D. Hợp tử biến đổi sau khi thụ tinh

Câu 5: Ý nào **KHÔNG** là đặc điểm của tập tính bẩm sinh:

- A. Là chuỗi các phản xạ không điều kiện
- B. Di truyền được và đặc trưng cho loài
- C. Được hình thành trong đời sống cá thể
- D. Bền vững và không thay đổi

Câu 6: Tìm câu **SAI** trong các câu sau khi nói về sinh sản hữu tính ở động vật:

- A. Thụ tinh ngoài có hiệu quả thụ tinh thấp hơn thụ tinh trong
- B. Động vật lưỡng tính là tốn ít năng lượng duy trì hoạt động của 2 cơ quan sinh sản trên một cơ thể
- C. Đẻ con có ưu điểm hơn đẻ trứng
- D. Thụ tinh trong chủ yếu là ở động vật trên cạn, thụ tinh ngoài chủ yếu ở động vật sống dưới nước

Câu 7: Nữ vị thành niên **KHÔNG** nên sử dụng biện pháp tránh thai nào dưới đây:

- A. Đình sản
- B. Đặt vòng
- C. Tính ngày rụng trứng
- D. Thuốc tránh thai

Câu 8: Điện tế bào gồm:

- A. Điện thế nghỉ
- B. Điện thế nghỉ và điện thế hoạt động
- C. Các ion âm hoặc ion dương
- D. Điện thế hoạt động

Câu 9: Điều nào dưới đây **KHÔNG** đúng khi nói về nuôi cấy mô tế bào thực vật:

- A. Sản xuất giống cây sạch bệnh
- B. Tạo ra thể hệ sau có thêm nhiều tính trạng tốt
- C. Có thể nhân nhanh giống cây
- D. Dựa trên tính toàn năng của tế bào

Câu 10: Sinh trưởng bị ảnh hưởng bởi:

- A. Các chất kích thích sinh trưởng
- B. Các nhân tố bên ngoài
- C. Ánh sáng
- D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 11: Hai loại hoocmon quan trọng trong quá trình điều hòa sinh sản là:

- A. Progesteron và FSH
- B. FSH và LH
- C. Oestrogen và LH
- D. Xitokinin và oestrogen

Câu 12: Phát triển ở động vật gồm các giai đoạn:

Câu 22: Yếu tố môi trường ảnh hưởng mạnh nhất lên quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật và người là:

- A. Độ ẩm B. Ánh sáng C. Thức ăn D. Nhiệt độ

Câu 23: Hiện tượng công đực nhảy múa khoe bộ lông sặc sỡ thuộc loại tập tính

- A. Lãnh thổ B. Thứ bậc C. Ve vãn D. Vị tha

Câu 24: Vận động nở hoa thuộc loại:

- A. Ứng động không sinh trưởng B. Hướng động dương
C. Ứng động sinh trưởng D. Hướng động âm

Câu 25: Để phân biệt kiểu hướng động, người ta dựa vào

- A. Hướng phản ứng B. Hướng kích thích C. Tác nhân kích thích D. Hướng vận động

Câu 26: Hướng động có vai trò giúp cây:

- A. Đảm bảo cho rễ mọc vào đất giữ cây vững chắc
B. Thích nghi với sự biến đổi môi trường để tồn tại phát triển
C. Tìm đến nguồn sáng để quang hợp
D. Sinh trưởng hướng tới nguồn nước

Câu 27: Đặc trưng chỉ có ở sinh sản hữu tính là:

- A. Kiểu gen hậu thế không thay đổi trong quá trình sinh sản
B. Nguyên phân và giảm phân
C. Giảm phân và thụ tinh
D. Bộ NST của loài không thay đổi

Câu 28: Vận động tự vệ của cây trinh nữ thuộc loại:

- A. Hướng động dương B. Ứng động không sinh trưởng
C. Hướng động âm D. Ứng động sinh trưởng

Câu 29: Điều nào sau đây **KHÔNG** đúng khi nói về sinh sản hữu tính:

- A. Giữ nguyên được tính trạng mong muốn
B. Tạo sự đa dạng di truyền ở thế hệ sau
C. Quá trình sinh sản phức tạp hơn sinh sản vô tính
D. Tăng khả năng thích nghi cho thế hệ sau

Câu 30: Kiểu sinh sản nào thường xen kẽ với kiểu sinh sản hữu tính:

- A. Phân đôi B. Nảy chồi C. Phân mảnh D. Trinh sinh

Câu 31: Đặc điểm nào sau đây **KHÔNG** phải là đặc điểm cảm ứng của động vật:

- A. Tốc độ chậm B. Tốc độ phản ứng nhanh
C. Phản xạ là 1 dạng điển hình của cảm ứng D. Phản ứng chính xác

Câu 32: Tìm câu **KHÔNG** đúng khi so sánh sinh sản vô tính ở thực vật và động vật:

- A. Không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái
B. Tạo ra cơ thể mới bằng hình thức nguyên phân
C. Sinh sản vô tính ở thực vật là sinh sản bằng bào tử, sinh sản sinh dưỡng
D. Sinh sản vô tính ở động vật là sinh sản bằng bào tử, tái sinh các bộ phận, phân mảnh, trinh sinh

Câu 33: Tốc độ lan truyền điện thế hoạt động trên sợi thần kinh có bao myelin so với sợi thần kinh không có bao myelin:

- A. Như nhau B. Bằng một nửa C. Chậm hơn D. Nhanh hơn

Câu 34: Ở động vật đơn tính, quá trình sinh sản gồm các giai đoạn:

- A. Hình thành tinh trùng, trứng; thụ tinh; phát triển phôi
B. Thụ tinh, phát triển phôi
C. Hình thành tinh trùng, trứng; trinh sinh; phát triển phôi
D. Tất cả đều sai

Câu 35: Quang chu kỳ là sự ra hoa phụ thuộc vào:

- A. Tuổi của cây B. Độ dài ngày C. Độ dài đêm D. Độ dài ngày và đêm

Câu 36: So với hệ thần kinh dạng lưới thì hệ thần kinh dạng chuỗi hạch

- A. Không tiến hóa bằng B. Có nhiều nhược điểm hơn
C. Có nhiều ưu điểm hơn D. Không có ưu điểm gì

Câu 37: Điều nào dưới đây **SAI** khi nói về nạo phá thai :

- A. Có thể gây vô sinh B. Là một biện pháp sinh đẻ có kế hoạch
C. Tránh được mang thai ngoài ý muốn D. Có thể gây viêm nhiễm, thậm chí gây tử vong

Câu 38: Phát triển là:

- A. Quá trình biến đổi về chất B. Quá trình tăng về kích thước tế bào
C. Quá trình tăng lên về số lượng D. Quá trình biến đổi về khối lượng

Câu 39: Cấu tạo của xinap gồm:

- A. Chùy xinap, khe xinap, màng trước xinap, màng sau xinap

B. Chùy xinap, màng trước xinap và màng sau xinap

C. Chùy xinap, khe xinap và màng sau xinap

D. Chùy xinap, khe xinap và màng trước xinap

Câu 40: Ở thực vật, hoocmon tham gia vào hoạt động cảm ứng là

A. Auxin

B. Êtilen

C. Xitokinin

D. Axit

----- HẾT -----

ĐỀ 002

Câu 1: Điều hoà sinh tinh và sinh trứng chịu sự chi phối bởi:

A. Các nhân tố bên ngoài cơ thể

B. Các nhân tố bên trong cơ thể

C. Hệ thần kinh

D. Hệ nội tiết

Câu 2: Hình thức nào không phải là sinh sản vô tính của động vật

A. Trinh sản.

B. Nảy chồi

C. Phân đôi

D. Bào tử

Câu 3: Sinh sản vô tính ở động vật dựa trên các hình thức phân bào nào?

A. Giảm phân và nguyên phân

B. Trực phân, giảm phân và nguyên phân

C. Trực phân và giảm phân

D. Trực phân và nguyên phân

Câu 4: Hình thức sinh sản nào sau đây không phải là nhân giống vô tính?

A. Giâm cành.

B. Bồng bào tử.

C. Nuôi cấy mô tế bào.

D. Ghép cây

Câu 5: Sinh sản sinh dưỡng là:

A. Tạo ra cây mới chỉ từ lá của cây.

B. Tạo ra cây mới chỉ từ một phần của cơ quan sinh dưỡng ở cây mẹ

C. Tạo ra cây mới chỉ từ một phần thân của cây.

D. Tạo ra cây mới chỉ từ rễ của cây

Câu 6: Một tế bào mẹ hạt phấn ($2n$) khi giảm phân cho bao nhiêu hạt phấn và có bộ NST là bao nhiêu?

A. 2 hạt phấn có bộ NST lưỡng bội $2n$

B. 2 hạt phấn có bộ NST đơn bội n

C. 4 hạt phấn có bộ NST đơn bội n

D. 4 hạt phấn có bộ NST lưỡng bội $2n$

Câu 7: Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật sinh ra được nhiều cá thể nhất từ một cá thể mẹ?

A. Phân đôi

B. Nảy chồi

C. Phân mảnh

D. Trinh sinh

Câu 8: Thụ phấn chéo là:

- A. Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng hoa hay hoa khác của cùng một cây.
- B. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài
- C. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác loài
- D. Sự kết hợp của tinh tử với trứng của cùng hoa.

Câu 9: Vì sao phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép?

- A. Vì để tập trung nước nuôi các cành ghép
- B. Vì để loại bỏ sâu bệnh trên lá cây
- C. Vì để tiết kiệm nguồn chất dinh dưỡng cung cấp cho lá.
- D. Vì để tránh gió mưa làm lay cành ghép.

Câu 10: Trứng giàu noãn hoàng đã được thụ tinh, nở thành con non sau đó mới được đẻ ra ngoài là hình thức sinh sản:

- A. Đẻ trứng thai
- B. Nội bào tử
- C. Đẻ con
- D. Đẻ trứng

Câu 11: Sau khi thụ tinh, quả được tạo thành từ:

- A. Tràng hoa
- B. Noãn
- C. Đài hoa
- D. Bầu nhụy

Câu 12: Vì sao thụ tinh trong tiến hoá hơn thụ tinh ngoài?

- A. Vì cho hiệu suất thụ tinh cao
- B. Vì không nhất thiết phải cần môi trường nước
- C. Vì không chịu ảnh hưởng của các tác nhân môi trường
- D. Vì đỡ tiêu tốn năng lượng

Câu 13: Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật diễn ra đơn giản nhất

- A. Trinh sinh
- B. Phân đôi
- C. Phân mảnh
- D. Nảy chồi

Câu 14: Trong cơ chế điều hòa sinh trứng, FSH có vai trò

- A. Kích thích niêm mạc dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.
- B. Kích thích nang trứng phát triển và tiết estrogen
- C. Kích thích tuyến yên tiết hoocmon.
- D. Kích thích nang trứng chín và rụng trứng hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.

Câu 15: Thụ phấn là:

- A. Sự nảy mầm của hạt phấn trên núm nhụy
- B. Sự kéo dài ống phấn trong vòi nhụy

C. Sự di chuyển của tinh tử trên ống phần

D. Sự rơi của hạt phần vào núm nhụy và nảy mầm.

Câu 16: Đặc điểm nào không phải là ưu điểm của hình thức đẻ con?

A. Tỷ lệ chết thai thấp.

B. Phôi thai được bảo vệ tốt

C. Chất dinh dưỡng từ cơ thể mẹ qua nhau thai rất phong phú, nhiệt độ trong cơ thể mẹ thích hợp với sự phát triển của thai.

D. Tiêu tốn ít năng lượng để nuôi dưỡng thai

Câu 17: Thể vàng tiết ra những chất nào

A. FSH

B. LH

C. GnRH

D. Progesteron và Östrogen

Câu 18: Quá trình sinh sản hữu tính của động vật không gồm giai đoạn:

A. Thụ tinh

B. Hình thành tinh trùng, trứng

C. Phát triển phôi hình thành cơ thể mới.

D. Hình thành bào tử

Câu 19: Sinh sản bằng bào tử thường gặp ở:

A. Ngô

B. Sắn

C. Lúa

D. Dương xỉ.

Câu 20: Ý nào không phải là sinh sản vô tính ở động vật đa bào?

A. Chồi con sau khi được hình thành trên cơ thể mẹ sẽ tách ra thành cơ thể mới

B. Mảnh vụn vỡ từ cơ thể phát triển thành cơ thể mới

C. Trứng không thụ tinh phát triển thành cơ thể mới

D. Bào tử phát sinh thành cơ thể mới

Câu 21: Tế bào kẽ tiết ra chất nào?

A. Testosteron

B. LH

C. GnRH

D. FSH

Câu 22: Ý nào không đúng khi nói về quả:

A. Quả có thể là phương tiện phát tán hạt

B. Quả không hạt đều là quả đơn tính.

C. Quả là do bầu nhụy sinh trưởng dày lên chuyển hóa thành.

D. Quả có vai trò bảo vệ hạt

Câu 23: Tuyến yên tiết ra:

A. FSH, Testosteron

B. GnRH , Testosteron

C. LH, FSH

D. LH, Testosteron

Câu 24: Trong quá trình hình thành giao tử đực ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào?

- A. 2 lần giảm phân và 2 lần nguyên phân B. 2 lần giảm phân và 1 lần nguyên phân
 C. 1 lần giảm phân và 1 lần nguyên phân D. 1 lần giảm phân và 2 lần nguyên phân.

Câu 25: Hình thức sinh sản vô tính nào có cả ở động vật đơn bào và đa bào?

- A. Trinh sinh B. Nảy chồi. C. Phân mảnh D. Phân đôi

Câu 26: Testôstêron có vai trò:

- A. Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng
 B. Kích thích tuyến yên sản sinh LH
 C. Kích thích tế bào kẽ sản xuất ra FSH
 D. Kích thích ống sinh tinh sản sinh tinh trùng

Câu 27: Trong thiên nhiên, cây tre sinh sản bằng:

- A. Rễ phụ B. Thân bò C. Thân rễ D. Lóng

Câu 28: Bản chất của quá trình thụ tinh ở động vật là:

- A. Sự kết hợp hai bộ NST đơn bội (n) của giao tử đực và giao tử cái tạo thành bộ NST lưỡng bội (2n) ở hợp tử.
 B. Sự kết hợp các nhân của nhiều giao tử đực với nhân của một giao tử cái.
 C. Sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái
 D. Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái

Câu 29: Đặc điểm nào không đúng với sinh sản vô tính ở động vật?

- A. Có khả năng thích nghi cao với sự thay đổi của điều kiện môi trường
 B. Cá thể có thể sống độc lập đơn lẻ vẫn sinh sản bình thường.
 C. Đảm bảo sự ổn định về mặt di truyền qua các thế hệ cơ thể
 D. Tạo ra số lượng con cháu trong thời gian ngắn

Câu 30: Ý nào không phải là ưu điểm của nhân giống vô tính?

- A. Giúp sản xuất các giống cây sạch bệnh, phục chế các giống cây quý.
 B. Giữ nguyên được tính trạng tốt của cây mẹ
 C. Nhân nhanh với số lượng lớn, giá thành rẻ.
 D. Thích nghi kém với điều kiện môi trường thay đổi.

Câu 31: Ý nào không đúng khi nói về hạt:

- A. Hợp tử trong hạt phát triển thành phôi
 B. Hạt là noãn đã được thụ tinh phát triển thành.

- C. Mọi hạt của thực vật có hoa đều có nội nhũ
- D. Tế bào tam bội trong hạt phát triển thành nội nhũ

Câu 32: Trong quá trình hình thành túi phôi ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào:

- A. 1 lần giảm phân và 1 lần nguyên phân
- B. 1 lần giảm phân và 4 lần nguyên phân
- C. 1 lần giảm phân và 2 lần nguyên phân
- D. 1 lần giảm phân và 3 lần nguyên phân

Câu 33: GnRH được tạo ra từ:

- A. Buồng trứng
- B. Vùng dưới đồi
- C. Tuyến yên
- D. Tinh hoàn

Câu 34: Từ mảnh vụn vỡ của cơ thể gốc phân bào nguyên nhiễm tạo nên thể mới là hình thức sinh sản bằng cách:

- A. Phân mảnh
- B. Trinh sản.
- C. Nảy chồi
- D. Phân đôi

Câu 35: Điều nào không đúng khi nói về sinh sản của động vật

- A. Động vật đơn tính hay lưỡng tính chỉ có hình thức sinh sản hữu tính
- B. Có động vật có cả hai hình thức sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.
- C. Động vật lưỡng tính sinh ra cả hai loại giao tử: Đực và cái
- D. Động vật đơn tính chỉ sinh ra giao tử đực hoặc giao tử cái

Câu 36: Trong cơ chế điều hòa sinh tinh, LH có vai trò:

- A. Kích thích ống sinh tinh sản sinh tinh trùng
- B. Kích thích tế bào kẽ sản xuất Testosteron
- C. Kích thích tuyến yên sản sinh FSH.
- D. Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.

Câu 37: Cơ sở tế bào học của sinh sản vô tính là:

- A. Phân bào nguyên nhiễm
- B. Kết hợp ba quá trình nguyên phân, giảm phân, thụ tinh.
- C. Phân bào giảm nhiễm
- D. Tế bào trứng không cần thụ tinh.

Câu 38: Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật:

- A. Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.
- B. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền
- C. Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho chọn giống và tiến hóa.
- D. Là hình thức sinh sản phổ biến.

Câu 39: Tự thụ phấn là:

- A. Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng hoa hay hoa khác của cùng một cây
- B. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài.
- C. Sự kết hợp của tinh tử của cây này với trứng của cây khác.
- D. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác loài.

Câu 40: Tại sao cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành?

- A. Vì để tránh sâu bệnh gây hại
- B. Vì dễ nhân giống nhanh và nhiều.
- C. Vì rút ngắn thời gian sinh trưởng, sớm thu hoạch và biết trước được đặc tính của quả.
- D. Vì dễ trồng và ít công chăm sóc.

----- HẾT -----

Đề 003

Câu 1: Hình thức sinh sản mà cơ thể mới được hình thành từ một bộ phận của thân lá, rễ là hình thức:

- A. Sinh sản phân đôi
- B. Sinh sản sinh dưỡng
- C. Sinh sản tái sinh
- D. Sinh sản hữu tính

Câu 2: Vận động nở hoa thuộc loại:

- A. Hướng động dương
- B. Hướng động âm
- C. Ứng động không sinh trưởng
- D. Ứng động sinh trưởng

Câu 3: Điều nào dưới đây **SAI** khi nói về nạo phá thai :

- A. Có thể gây vô sinh
- B. Là một biện pháp sinh đẻ có kế hoạch
- C. Tránh được mang thai ngoài ý muốn
- D. Có thể gây viêm nhiễm, thậm chí gây tử vong

Câu 4: Ở động vật đơn tính, quá trình sinh sản gồm các giai đoạn:

- A. Hình thành tinh trùng, trứng; thụ tinh; phát triển phôi
- B. Thụ tinh, phát triển phôi
- C. Tất cả đều sai
- D. Hình thành tinh trùng, trứng; trình sinh; phát triển phôi

Câu 5: Phát triển ở động vật gồm các giai đoạn:

- A. Tiền phôi
- B. Phôi và hậu phôi
- C. Hậu phôi
- D. Phôi

Câu 6: Quang chu kì là sự ra hoa phụ thuộc vào:

- A. Độ dài ngày
- B. Tuổi của cây
- C. Độ dài đêm
- D. Độ dài ngày và đêm

Câu 7: Điều nào dưới đây **KHÔNG** đúng khi nói về nuôi cấy mô tế bào thực vật:

- A. Tạo ra thể hệ sau có thêm nhiều tính trạng tốt
- B. Dựa trên tính toàn năng của tế bào
- C. Sản xuất giống cây sạch bệnh
- D. Có thể nhân nhanh giống cây

Câu 8: Trong hạt khô hàm lượng:

- A. Axit abxixic cực đại, Giberelin rất thấp
- B. Tất cả đều sai
- C. Axit abxixic rất thấp, Giberelin rất cao
- D. Giberelin cực đại, axit abxixic giảm mạnh

Câu 9: Tốc độ lan truyền điện thế hoạt động trên sợi thần kinh có bao mielin so với sợi thần kinh không có bao mielin:

- A. Bằng một nửa
- B. Chậm hơn
- C. Nhanh hơn
- D. Như nhau

Câu 10: Kết quả của quá trình sinh trưởng là:

- A. Quá trình cây ngừng sinh trưởng
- B. Quá trình ra hoa và tạo quả
- C. Quá trình cây lớn lên
- D. Cây ngừng phát triển

Câu 11: Sinh trưởng bị ảnh hưởng bởi:

- A. Tất cả các đáp án đều đúng
- B. Ánh sáng
- C. Các chất kích thích sinh trưởng
- D. Các nhân tố bên ngoài

Câu 12: Nếu trứng không được thụ tinh thì:

- A. Ngừng tiết hoocmon
- B. Tiết hoocmon với số lượng ít
- C. Thể vàng teo lại và thoái hóa
- D. Tiết nhiều hoocmon

Câu 13: Tìm câu **SAI** trong các câu sau khi nói về sinh sản hữu tính ở động vật:

- A. Thụ tinh ngoài có hiệu quả thụ tinh thấp hơn thụ tinh trong
- B. Đẻ con có ưu điểm hơn đẻ trứng
- C. Động vật lưỡng tính là tốn ít năng lượng duy trì hoạt động của 2 cơ quan sinh sản trên một cơ thể
- D. Thụ tinh trong chủ yếu là ở động vật trên cạn, thụ tinh ngoài chủ yếu ở động vật sống dưới nước

Câu 14: Cấu tạo của xinap gồm:

- A. Chùy xinap, khe xinap và màng sau xinap
- B. Chùy xinap, khe xinap, màng trước xinap, màng sau xinap
- C. Chùy xinap, màng trước xinap và màng sau xinap
- D. Chùy xinap, khe xinap và màng trước xinap

Câu 15: Điều nào sau đây **KHÔNG** đúng khi nói về sinh sản vô tính:

- A. Rút ngắn rất nhiều thời gian phát triển của cây
- B. Tạo ra thể hệ con chống chịu tốt hơn

C. Progesteron và FSH

D. Xitokinin và ostrogen

Câu 26: Thông tin được truyền qua xinap nhờ.....

A. Chất trung gian hóa học

B. Ion Na

C. Ion K

D. Ion Ca

Câu 27: Điều nào sau đây **KHÔNG** đúng khi nói về sinh sản hữu tính:

A. Tăng khả năng thích nghi cho thế hệ sau

B. Tạo sự đa dạng di truyền ở thế hệ sau

C. Quá trình sinh sản phức tạp hơn sinh sản vô tính

D. Giữ nguyên được tính trạng mong muốn

Câu 28: Đồ thị điện thế hoạt động gồm mấy giai đoạn?

A. Hai

B. Bốn

C. Năm

D. Ba

Câu 29: Đặc điểm nào sau đây **KHÔNG** phải là đặc điểm cảm ứng của động vật:

A. Tốc độ chậm

B. Tốc độ phản ứng nhanh

C. Phản xạ là 1 dạng điển hình của cảm ứng

D. Phản ứng chính xác

Câu 30: Tìm câu **KHÔNG** đúng khi so sánh sinh sản vô tính ở thực vật và động vật:

A. Không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái

B. Sinh sản vô tính ở thực vật là sinh sản bằng bào tử, sinh sản sinh dưỡng

C. Sinh sản vô tính ở động vật là sinh sản bằng bào tử, tái sinh các bộ phận, phân mảnh, trinh sinh

D. Tạo ra cơ thể mới bằng hình thức nguyên phân

Câu 31: Vận động tự vệ của cây trinh nữ thuộc loại:

A. Hướng động dương

B. Ứng động không sinh trưởng

C. Ứng động sinh trưởng

D. Hướng động âm

Câu 32: Đặc trưng chỉ có ở sinh sản hữu tính là:

A. Kiểu gen hậu thế không thay đổi trong quá trình sinh sản

B. Nguyên phân và giảm phân

C. Giảm phân và thụ tinh

D. Bộ NST của loài không thay đổi

Câu 33: Ý nghĩa sinh học của hiện tượng thụ tinh kép ở thực vật hạt kín là:

A. Tiết kiệm vật liệu di truyền(sử dụng cả 2 tinh tử)

B. Hình thành nội nhũ chứa các tế bào tam bội

C. Cung cấp dinh dưỡng cho sự phát triển của phôi và thời kì đầu của cá thể mới

D. Hình thành nội nhũ cung cấp dinh dưỡng cho phôi phát triển

Câu 34: So với hệ thần kinh dạng lưới thì hệ thần kinh dạng chuỗi hạch

- A.** Không tiến hóa bằng **B.** Có nhiều nhược điểm hơn
C. Có nhiều ưu điểm hơn **D.** Không có ưu điểm gì

Câu 35: Ở quả dứa, nước dứa là:

- A.** Nước bình thường dự trữ trong quả **B.** Phôi nhũ để nuôi phôi
C. Chất nguyên sinh **D.** Nước được vận chuyển từ rễ lên

Câu 36: Ở nam giới khi cắt bỏ tinh hoàn dẫn đến giọng nói trong hơn, mất bản năng sinh dục. Nguyên nhân là:

- A.** Thiếu estrogen **B.** Thiếu testosterone **C.** Thiếu tiroxin **D.** Thiếu hoocmon sinh trưởng

Câu 37: Ở thực vật, hoocmon tham gia vào hoạt động cảm ứng là

- A.** Auxin **B.** Xitokinin **C.** Êtilen **D.** Axit abxixic

Câu 38: Kiểu sinh sản nào thường xen kẽ với kiểu sinh sản hữu tính:

- A.** Nảy chồi **B.** Phân đôi **C.** Phân mảnh **D.** Trinh sinh

Câu 39: Điện tế bào gồm:

- A.** Điện thế hoạt động **B.** Điện thế nghỉ
C. Điện thế nghỉ và điện thế hoạt động **D.** Các ion âm hoặc ion dương

Câu 40: Hạt được tạo thành từ:

- A.** Phần còn lại của noãn sau khi thụ tinh **B.** Noãn sau khi được thụ tinh
C. Hợp tử biến đổi sau khi thụ tinh **D.** Bầu của nhụy

----- HẾT -----

ĐỀ 004

Câu 1: Đặc điểm nào không phải là ưu điểm của hình thức đẻ con?

- A.** Chất dinh dưỡng từ cơ thể mẹ qua nhau thai rất phong phú, nhiệt độ trong cơ thể mẹ thích hợp với sự phát triển của thai. **B.** Tỷ lệ chết thai thấp.
C. Tiêu tốn ít năng lượng để nuôi dưỡng thai **D.** Phôi thai được bảo vệ tốt

Câu 2: Trứng giàu noãn hoàng đã được thụ tinh, nở thành con non sau đó mới được đẻ ra ngoài là hình thức sinh sản:

- A.** Nội bào tử **B.** Đẻ trứng **C.** Đẻ trứng thai **D.** Đẻ con

Câu 3: Trong cơ chế điều hòa sinh tinh, LH có vai trò:

- A.** Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.

- B. Kích thích tuyến yên sản sinh FSH.
- C. Kích thích ống sinh tinh sản sinh tinh trùng
- D. Kích thích tế bào kẽ sản xuất Testosteron

Câu 4: GnRH được tạo ra từ:

- A. Buồng trứng
- B. Tinh hoàn
- C. Tuyến yên
- D. Vùng dưới đồi

Câu 5: Hình thức nào không phải là sinh sản vô tính của động vật

- A. Phân đôi
- B. Bào tử
- C. Trinh sản.
- D. Nảy chồi

Câu 6: Thể vàng tiết ra những chất nào

- A. Progesteron và Östrogen
- B. FSH
- C. GnRH
- D. LH

Câu 7: Trong thiên nhiên, cây tre sinh sản bằng:

- A. Thân bò
- B. Lóng
- C. Rễ phụ
- D. Thân rễ

Câu 8: Điều nào không đúng khi nói về sinh sản của động vật

- A. Động vật lưỡng tính sinh ra cả hai loại giao tử: Đực và cái
- B. Động vật đơn tính chỉ sinh ra giao tử đực hoặc giao tử cái
- C. Động vật đơn tính hay lưỡng tính chỉ có hình thức sinh sản hữu tính
- D. Có động vật có cả hai hình thức sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.

Câu 9: Ý nào không đúng khi nói về hạt:

- A. Hạt là noãn đã được thụ tinh phát triển thành.
- B. Tế bào tam bội trong hạt phát triển thành nội nhũ
- C. Mọi hạt của thực vật có hoa đều có nội nhũ
- D. Hợp tử trong hạt phát triển thành phôi

Câu 10: Tuyến yên tiết ra:

- A. LH, Testosteron
- B. LH, FSH
- C. GnRH, Testosteron
- D. FSH, Testosteron

Câu 11: Sinh sản vô tính ở động vật dựa trên các hình thức phân bào nào?

- A. Trực phân và nguyên phân
- B. Giảm phân và nguyên phân
- C. Trực phân, giảm phân và nguyên phân
- D. Trực phân và giảm phân

Câu 12: Cơ sở tế bào học của sinh sản vô tính là:

- A. Tế bào trứng không cần thụ tinh.

- B. Phân bào giảm nhiễm
- C. Phân bào nguyên nhiễm
- D. Kết hợp ba quá trình nguyên phân, giảm phân, thụ tinh.

Câu 13: Tại sao cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành?

- A. Vì để tránh sâu bệnh gây hại
- B. Vì rút ngắn thời gian sinh trưởng, sớm thu hoạch và biết trước được đặc tính của quả.
- C. Vì dễ trồng và ít công chăm sóc.
- D. Vì dễ nhân giống nhanh và nhiều.

Câu 14: Thụ phấn chéo là:

- A. Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng hoa hay hoa khác của cùng một cây.
- B. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác loài
- C. Sự kết hợp của tinh tử với trứng của cùng hoa.
- D. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài

Câu 15: Quá trình sinh sản hữu tính của động vật không gồm giai đoạn:

- A. Hình thành tinh trùng, trứng
- B. Hình thành bào tử
- C. Phát triển phôi hình thành cơ thể mới.
- D. Thụ tinh

Câu 16: Testôstêron có vai trò:

- A. Kích thích tế bào kẽ sản xuất ra FSH
- B. Kích thích ống sinh tinh sản sinh tinh trùng
- C. Kích thích tuyến yên sản sinh LH
- D. Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng

Câu 17: Trong quá trình hình thành túi phôi ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào:

- A. 1 lần giảm phân và 2 lần nguyên phân
- B. 1 lần giảm phân và 4 lần nguyên phân
- C. 1 lần giảm phân và 1 lần nguyên phân
- D. 1 lần giảm phân và 3 lần nguyên phân

Câu 18: Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật:

- A. Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho chọn giống và tiến hóa.
- B. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền
- C. Là hình thức sinh sản phổ biến.
- D. Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.

Câu 19: Một tế bào mẹ hạt phấn ($2n$) khi giảm phân cho bao nhiêu hạt phấn và có bộ NST là bao nhiêu?

- A. 2 hạt phần có bộ NST lưỡng bội $2n$
- B. 2 hạt phần có bộ NST đơn bội n
- C. 4 hạt phần có bộ NST đơn bội n
- D. 4 hạt phần có bộ NST lưỡng bội $2n$

Câu 20: Đặc điểm nào không đúng với sinh sản vô tính ở động vật?

- A. Tạo ra số lượng con cháu trong thời gian ngắn
- B. Cá thể có thể sống độc lập đơn lẻ vẫn sinh sản bình thường.
- C. Có khả năng thích nghi cao với sự thay đổi của điều kiện môi trường
- D. Đảm bảo sự ổn định về mặt di truyền qua các thế hệ cơ thể

Câu 21: Điều hoà sinh tinh và sinh trứng chịu sự chi phối bởi:

- A. Hệ thần kinh
- B. Các nhân tố bên ngoài cơ thể
- C. Các nhân tố bên trong cơ thể
- D. Hệ nội tiết

Câu 22: Ý nào không phải là sinh sản vô tính ở động vật đa bào?

- A. Trứng không thụ tinh phát triển thành cơ thể mới
- B. Chồi con sau khi được hình thành trên cơ thể mẹ sẽ tách ra thành cơ thể mới
- C. Mảnh vụn vỡ từ cơ thể phát triển thành cơ thể mới
- D. Bào tử phát sinh thành cơ thể mới

Câu 23: Sinh sản bằng bào tử thường gặp ở:

- A. Ngô
- B. Sắn
- C. Dương xỉ.
- D. Lúa

Câu 24: Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật diễn ra đơn giản nhất

- A. Phân đôi
- B. Nảy chồi
- C. Trinh sinh
- D. Phân mảnh

Câu 25: Vì sao phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép?

- A. Vì để tiết kiệm nguồn chất dinh dưỡng cung cấp cho lá.
- B. Vì để tránh gió mưa làm lay cành ghép.
- C. Vì để tập trung nước nuôi các cành ghép
- D. Vì để loại bỏ sâu bệnh trên lá cây

Câu 26: Trong cơ chế điều hòa sinh trứng, FSH có vai trò

- A. Kích thích nang trứng phát triển và tiết oestrogen
- B. Kích thích tuyến yên tiết hoocmon.
- C. Kích thích niêm mạc dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.
- D. Kích thích nang trứng chín và rụng trứng hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.

Câu 27: Bản chất của quá trình thụ tinh ở động vật là:

- A. Sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái
- B. Sự kết hợp các nhân của nhiều giao tử đực với nhân của một giao tử cái.
- C. Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái
- D. Sự kết hợp hai bộ NST đơn bội (n) của giao tử đực và giao tử cái tạo thành bộ NST lưỡng bội (2n) ở hợp tử.

Câu 28: Hình thức sinh sản vô tính nào có cả ở động vật đơn bào và đa bào?

- A. Trinh sinh
- B. Phân đôi
- C. Nảy chồi.
- D. Phân mảnh

Câu 29: Thụ phấn là:

- A. Sự di chuyển của tinh tử trên ống phấn
- B. Sự rơi của hạt phấn vào núm nhụy và nảy mầm.
- C. Sự nảy mầm của hạt phấn trên núm nhụy
- D. Sự kéo dài ống phấn trong vòi nhụy

Câu 30: Tự thụ phấn là:

- A. Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng hoa hay hoa khác của cùng một cây
- B. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài.
- C. Sự kết hợp của tinh tử của cây này với trứng của cây khác.
- D. Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác loài.

Câu 31: Sau khi thụ tinh, quả được tạo thành từ:

- A. Tròng hoa
- B. Đài hoa
- C. Bầu nhụy
- D. Noãn

Câu 32: Sinh sản sinh dưỡng là:

- A. Tạo ra cây mới chỉ từ lá của cây.
- B. Tạo ra cây mới chỉ từ một phần của cơ quan sinh dưỡng ở cây mẹ
- C. Tạo ra cây mới chỉ từ rễ của cây
- D. Tạo ra cây mới chỉ từ một phần thân của cây.

Câu 33: Vì sao thụ tinh trong tiến hoá hơn thụ tinh ngoài?

- A. Vì không nhất thiết phải cần môi trường nước
- B. Vì đỡ tiêu tốn năng lượng
- C. Vì cho hiệu suất thụ tinh cao
- D. Vì không chịu ảnh hưởng của các tác nhân môi trường

Câu 34: Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật sinh ra được nhiều cá thể nhất từ một cá thể mẹ?

- A. Trinh sinh B. Phân đôi C. Nảy chồi D. Phân mảnh

Câu 35: Ý nào không đúng khi nói về quả:

- A. Quả có thể là phương tiện phát tán hạt
 B. Quả không hạt đều là quả đơn tính.
 C. Quả là do bầu nhụy sinh trưởng dày lên chuyển hóa thành.
 D. Quả có vai trò bảo vệ hạt

Câu 36: Tế bào kẽ tiết ra chất nào?

- A. FSH B. GnRH C. Testosteron D. LH

Câu 37: Trong quá trình hình thành giao tử đực ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào?

- A. 2 lần giảm phân và 2 lần nguyên phân B. 2 lần giảm phân và 1 lần nguyên phân
 C. 1 lần giảm phân và 1 lần nguyên phân D. 1 lần giảm phân và 2 lần nguyên phân.

Câu 38: Ý nào không phải là ưu điểm của nhân giống vô tính?

- A. Nhân nhanh với số lượng lớn, giá thành rẻ.
 B. Giúp sản xuất các giống cây sạch bệnh, phục chế các giống cây quý.
 C. Thích nghi kém với điều kiện môi trường thay đổi.
 D. Giữ nguyên được tính trạng tốt của cây mẹ

Câu 39: Hình thức sinh sản nào sau đây không phải là nhân giống vô tính?

- A. Nuôi cấy mô tế bào. B. Bàng bào tử.
 C. Giâm cành. D. Ghép cây

Câu 40: Từ mảnh vụn vỡ của cơ thể gốc phân bào nguyên nhiễm tạo nên thể mới là hình thức sinh sản bằng cách:

- A. Nảy chồi B. Trinh sản. C. Phân đôi D. Phân mảnh

----- HẾT -----